

Số: /BC-UBND

Vinh An, ngày 17 tháng 07 năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**

Xã Vinh An, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa thiên Huế

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

- Vị trí địa lý:** Vinh An nằm ở phía Đông cách trung tâm huyện Phú Vang 20 km, Phía bắc giáp xã Vinh Thanh, Phía Nam giáp xã Vinh Hưng, Vinh Mỹ (huyện Phú Lộc), Phía Tây giáp Đầm Thủy Tú, Phía Đông giáp Biển Đông.
- Địa hình:** Xã Vinh An là xã ven biển, có 02 làng An Bằng và Hà Úc được chia thành 07 thôn, có độ dốc từ phía Đông Bắc sang Tây Nam được chia thành 2 phần; phần có diện tích cao hơn là toàn bộ khu dân cư thuộc làng An Bằng (các thôn Bắc Thượng, Trung Định Hải và An Mỹ); phần diện tích thấp hơn là các thôn ở làng Hà Úc (các thôn từ Hà Úc 1, Hà Úc 2, Hà Úc 3 và Hà Úc 4).

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

T T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	22- 23 ⁰ C		Tăng 1,9 °C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	42 ⁰ C	6, 7, 8	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	5-6 ⁰ C	11,12,1	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6- 1,8 ⁰ C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1.700	6,7,8,9, 10,11,12	Tăng thêm khoảng 25.1 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

T T	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thừa thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5(*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lụt			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1507,64
1	Nhóm đất Nông nghiệp	952,83
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	588,46
1.1.1	Đất lúa nước	80,3
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm	217,16
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	291
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	260,92
1.2.1	Đất rừng sản xuất	136,05
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	124,87
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	97,3
1.3.1	<i>Diện tích thủy sản nước ngọt</i>	14
1.3.2	<i>Diện tích thủy sản nước mặn/lợ</i>	103,3
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác <i>(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)</i>	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	459,66
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	96,3
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng - Đất nông nghiệp - Đất ở	50%

6. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng số (của thôn)	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Hà úc 1	242	41	18	1089	587	502
2	Hà úc 2	320	62	41	1224	590	634
3	Hà úc 3	180	27	12	810	425	385
4	Hà úc 4	220	37	23	1220	605	615
5	Bắc Thượng	235	6	8	1050	540	510
6	Trung Định Hải	350	13	4	1575	825	750
7	An Mỹ	230	10	12	1006	535	471
Tổng		1777	196	118	7974	4107	3867

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ (triệu đồng/năm)	Tỉ lệ % phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt	25	500	10-20	60

2	Chăn nuôi	20	550	20-40	70
3	Nuôi trồng thủy sản	10,5	110	30-120	20
4	Đánh bắt hải sản	0,5	70	30-50	10
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	15	80	40-80	20
6	Buôn bán nhỏ	15	300	20-30	80
7	Trồng rừng sản xuất	0,4	50	15-20	50
8	Du lịch	0,1	9	50-100	50
9	Ngành nghề khác: dịch vụ, lao động mùa vụ, v.v	13,5	150	70-110	20

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TÔN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH xã Vinh An



Căn cứ vùng nguy cơ cao của các loại thiên tai và vùng an toàn có thể làm nơi sơ tán trên sơ họa bản đồ RRTT mà người dân các thôn đã xác định, thì địa hình xã Vinh An được chia thành 2 vùng rõ rệt. Vùng 1 gồm có 4 thôn Hà úc 3, Bắc Thượng, Trung Định Hải và An Mỹ nằm sát biển nhưng địa hình cao hơn chủ yếu bị ảnh hưởng thiên

tai Bão, Hạn hán. Vùng này đa số nhà ở của người dân kiên cố (97%) và có nhà thờ Giáo xứ An Bằng, Đình làng kiên cố có thể làm nơi sơ tán an toàn. Vùng 2 gồm các thôn Hà Úc 1,2, 4 là trung tâm của xã có địa hình thấp, phía Tây Nam giáp với đầm Thủy Tú, phía Đông Bắc giáp với Khe Tầm (Khe Tầm chảy dọc giữa xã) nên có nhiều vùng nguy cơ cao của thiên tai Lụt, Hạn hán, nhiễm mặn, ở vùng này có 2 trường học và trụ sở UBND là vùng an toàn để sơ tán.

2. Tóm tắt kết quả vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên sơ họa bản đồ RRTT

S T T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình – dựa vào so sánh giữa các thôn)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	Bão	Thôn Hà úc 3, Bắc Thượng, Trung đình Hải và An Mỹ	Mức độ cao	Tăng theo các năm, ngày càng nhiều, mạnh hơn, bất thường, không theo quy luật
2	Lụt	Thôn Hà úc 1, 2, 4	Mức độ cao	Tăng theo các năm, ngập sâu hơn, kéo dài hơn
3	Hạn Hán, nhiễm mặn	Thôn Hà úc 1, 2, và 4	Mức độ cao	Tăng dần theo năm, nhiệt độ tăng cao, nắng nóng gay gắt, kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8. Hạn hán gây nhiễm mặn trên diện rộng
4	Hạn hán	Thôn Hà úc 3, Bắc Thượng, Trung đình Hải và An Mỹ	Mức độ cao	Tăng dần theo năm, nhiệt độ tăng cao, nắng nóng gay gắt, kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8, có nguy cơ cháy rừng.
		Thôn Hà úc 1, 2, và 4	Mức độ trung bình	Giữ nguyên, do gần nguồn nước đầm Thủy Tú, nhưng nếu hạn hán kéo dài nhiễm mặn tăng cao, xảy ra trên diện rộng
5	Rét đậm, rét hại	7/7 thôn	Mức độ trung bình	Nhiệt độ giảm sâu 10-12 ⁰ C, kéo dài hơn, từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng /năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số xóm bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
9/ 1999	Lụt lịch sử (hoàn lưu sau bão)	7/7 thôn	1.Số người chết/mất tích:	01 (nam)
			2. Số người bị thương:	20 (nam 16; nữ 4)
			3. Số nhà bị ngập 30% từ 1-1,5m	510hộ
			4. Nhà ngập sâu dưới 1 m : 34%	630 hộ
			5. Số trường học bị thiệt hại:	01 trường
			6. Số km đường bị thiệt hại:	20 km
			7. Số ha ruộng bị thiệt hại:	25 ha
			8. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	50 ha/130hồ
			9. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	30
			10. Các thiệt hại khác:	
			Vỡ đê	7,5km
			Cầu sập, hư hỏng	04 cái
Trụ sở UBND bị tốc mái				
11. Ước tính thiệt hại kinh tế	250 tỷ VNĐ			
10/2006	Bão	Toàn xã	Nhà bị sập	5 nhà
			Nhà bị tốc mái	45 nhà
			Trường học	2 trường
			Trạm y tế	1 trạm
			Lúa	0ha
			Hoa màu	25ha
			Thủy sản	50ha
			Rừng	30ha
			Chăn nuôi	2000 con
			Ước tính thiệt hại kinh tế	40 tỷ

Tháng 6/2016	Hạn hạn - nhiễm mặn	Toàn xã	Lúa	1,5 ha
			Mạ non	1 ha
			Thủy sản	53,3ha
			Gia cầm, gia súc dịch bệnh	1200 con
			Hoa màu	10 ha
			Cây lâu năm + rừng bị cháy	0,8 ha
			Đất không sản xuất được	76 ha
			Ước tính thiệt hại	2,5 tỷ
T11/2016	Rét đậm, rét hại	Toàn xã	Lúa chết	4 ha
			Mạ non	0ha
			Gia cầm, gia súc	800 con
			Thủy sản (tôm cá chết)	15 ha
			Hoa màu (thiệt hại 30%)	5ha
			Ước tính thiệt hại	2,5 tỷ

4. Nhóm dễ bị tổn thương

T	T	thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương												
			Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai (*)	Người cao tuổi (80 tuổi trở lên)		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số,..		Người bị bệnh hiểm nghèo	
			Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Hà Úc 1	168	297	250	459	62	20	43	12	22	0	0	0	2	
2	Hà Úc 2	135	229	160	328	56	23	52	11	19	0	0	2	4	
3	Hà Úc 3	130	265	155	335	22	19	30	6	10	0	0	0	0	
4	Hà Úc 4	142	309	256	526	66	30	49	16	26	0	0	0	4	
5	Bắc Thượng	96	182	201	412	43	20	36	7	12	0	0	2	3	
6	Trung Định Hải	102	236	198	403	54	31	52	13	25	0	0	1	2	
7	An Mỹ	141	280	223	468	41	26	46	14	24	0	0	0	0	
Tổng		914	1798	1443	2931	344	169	308	79	138	0	0	5	15	

(*) Phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi

5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai /BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non	Phòng	8	Cao	2008	Thấp
2	Trường học tiểu học	Phòng	23	Cao	2000	Thấp
3	Trường THCS	Phòng	16	Cao	2001	Thấp
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	15	Cao	2010	Thấp
5	Đường điện	Km	20	Trung bình	1996	Trung bình
6	Đường giao thông	Km	30	Trung bình	1995, 2017	Trung bình
7	Trụ sở UBND	Phòng	20	Trung bình	2003	Trung bình
8	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	3	Thấp	2003	Cao
9	Chợ	Cái	2	Thấp	2001	Cao
10	Bưu điện	Cái	01	Thấp	2001	Cao

Nhận xét: Trường mầm non chưa đạt chuẩn Quốc gia có 8 phòng học kiên cố, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 có 23 phòng học kiên cố, Trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2 có 16 phòng học kiên cố, Trạm y tế đã đạt chuẩn quốc gia đáp ứng khám chữa bệnh cho người dân. Đường giao thông trục chính 30 km đã được bê tông hóa. Trụ sở UBND nhà 2 tầng kiên cố; Nhà văn hóa 1 nhà kiên cố, 2 nhà xây dựng lâu năm đã xuống cấp không đảm bảo an toàn cho sinh hoạt cộng đồng. Có 02 chợ 1 chợ có quy hoạch nhưng chưa xây kiên cố, 1 chợ "cóc" tự phát các hộ kinh doanh che quán tạm, khó khăn cho trao đổi hàng hóa.

6. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét, v.v)
1	Hà Úc 1	242	10	175	65	8	0
2	Hà Úc 2	320	12	280	14	14	6
3	Hà Úc 3	180	21	100	59	5	0

4	Hà Úc 4	220	16	183	15	6	13
5	Bắc Thượng	235	188	35	7	5	6
6	Trung Định Hải	350	220	100	26	4	0
7	An Mỹ	230	192	25	10	3	0
Tổng		1777	659	898	196	45	25

Nhận xét: Nhà ở của các hộ dân xã Vinh An đa số là xuống cấp do xây dựng lâu ngày, thường xuyên bị ảnh hưởng của Bão, Lụt và ở gần biển độ mặn cao nên nhanh hư hỏng, nhà bán kiên cố có thể chịu đựng được Bão từ cấp 7, cấp 8, nếu Bão cấp 9 trở lên nguy cơ sập đổ cao. Nhà đơn sơ có 45 nhà, đang tiến hành xây dựng 4 nhà "nằm trong diện nhà của dự án GCF" được thể hiện trên sơ họa bản đồ (có danh sách kèm theo)

7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BDKH²

T T	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BDKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BDKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật sống trong từng loại nhà
1	<i>Nhà đơn sơ</i>	0	0	0
2	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	1	0	34
3	<i>Nhà bán kiên cố</i>	80	590	480
4	<i>Nhà kiên cố</i>	30	92	36
	Tổng số	111	782	550

(*) Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ rủi ro thiên tai, khí hậu

8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh				
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BDKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BDKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Hà Úc 1	242	238	238	0	0	Trung bình	194	40	8	Cao

² Phục vụ dự án GCF

Hà Úc 2	320	316	316	0	0	Trung bình	256	60	4	Cao
Hà Úc 3	180	180	180	0	0	Trung bình	144	31	5	Cao
Hà Úc 4	220	220	220	0	0	Trung bình	178	30	12	Cao
Bắc Thượng	235	233	233	0	0	Trung bình	190	30	15	Cao
Trung Định Hải	350	347	347	0	0	Trung bình	295	45	10	Cao
An Mỹ	230	230	230	0	0	Trung bình	185	30	15	Cao
Tổng	1777	1764	1764	0	0		1442	266	69	

Nhận xét:

- Người dân chủ yếu sử dụng nước giếng khoan, nhưng nguồn nước giếng khoan cũng bị nhiễm phèn và bị ô nhiễm; Xã đã xin đầu tư hệ thống nước sạch; hiện nay đang triển khai dự kiến tháng 10/2018 đưa vào sử dụng.

- Có 266 nhà vệ sinh làm tạm và 69 hộ chưa có nhà vệ sinh, chiếm 14,9 % số hộ toàn xã, chủ yếu là của các hộ nghèo, cận nghèo và các hộ ven biển do thiếu kinh phí nhưng cũng do nhận thức còn hạn chế, dân trí thấp, không đồng đều.

9. Y tế - Hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

T T	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Tiêu chảy	10	0	0	12	0
4	Đau mắt đỏ	7	5	5	2	1
5	Viêm đường hô hấp	9	13	11	5	2
6	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
7	Số ca bệnh phụ khoa		260			
8	Tâm Thần (động kinh vạtam thần phân liệt)	5	9	16		
9	Lao		2	10		
	Tổng cộng	31	289	42	19	3

10.Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, Trung bình, Thấp)	Mức độ xảy ra dịch bệnh(Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Hà Úc 1	Trung bình	Trung bình
2	Hà Úc 2	Trung bình	Trung bình
3	Hà Úc 3	Trung bình	Trung bình
4	Hà Úc 4	Trung bình	Trung bình
5	Bắc Thượng	Trung bình	Trung bình
6	Trung Định Hải	Trung bình	Trung bình
7	An Mỹ	Trung bình	Trung bình

11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH³

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
Rừng ngập mặn	0	0	0
Rừng trên cát	260,92	260,92	0
Rừng tự nhiên	0	0	0
Rừng khác	0	0	0
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	0	0	0
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng	0	0	0
Tổng	260,92	260,92	0

(*) Là vùng khi có thiên tai (lũ, bão, hạn, cháy rừng do khô hạn, v.v.) rừng dễ bị thiệt hại, gãy đổ. Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ thiên tai, khí hậu

Nhận xét: Xã Vinh An có trên 260,92 ha rừng. Trong đó: rừng phòng hộ 124,87ha, rừng sản xuất 136,05 ha. Do rừng trên cát, gần biển, lớp thực bì dày dễ gây cháy trong mùa nắng nóng.

³ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁴

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
Rừng ngập mặn	0	0	0
Rừng trên cát	Dương liễu, keo, tràm	0	0
Rừng tự nhiên			
Rừng khác			
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng			
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng			

13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động SXKD

T	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	350	15 tạ/hộ/năm	Thấp	Cao
2	Chăn nuôi	550	12 tạ/hộ/năm	Thấp	Cao
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	70	1,2 tấn/hộ/năm	Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	80	8,2 tấn/ hộ/năm	Thấp	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập)	700	42 triệu/hộ/năm	Trung bình	Trung bình

⁴ Phục vụ cho dự án GCF

	bình quân)				
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	339	38 triệu/hộ/năm	Trung bình	Trung bình
7	Du lịch	5	72 triệu/hộ/năm	Trung bình	Trung bình
8	Ngành nghề khác: trồng rừng và bảo vệ rừng	160		Trung bình	Trung bình

Nhận xét: Ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản khả năng chống chịu **thấp**, mức độ thiệt hại **cao** khi có thiên tai, do các ngành đó đều phụ thuộc vào thiên nhiên bị ảnh hưởng bởi tác động của BĐKH cao. Trồng lúa, trồng hoa màu diện tích ở gần đầm phá Thủy Tú xa vùng cung cấp nước ngọt, dễ bị nhiễm mặn. Nuôi trồng thủy sản bờ bao thấp chưa quy hoạch vùng chuyên canh; Đánh bắt thủy sản thuyền thô sơ xuống cấp, nơi neo đậu không an toàn.

14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	72
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	36
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	70% (1243 người)
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	trạm	0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổng số thôn	07/07

Nhận xét: Thông tin thường cập nhật là diễn biến của thời tiết và khuyến cáo ứng phó cho các hoạt động sản xuất kinh doanh; Khi có Báo, lụt, dự báo cảnh báo liên tục để người dân theo dõi diễn biến, phòng tránh kịp thời. Các thông tin được chuyên tải qua hệ thống loa truyền thanh của xã và các thôn; thông tin dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo cho tất cả mọi người dân, trong đó có đối tượng dễ bị tổn thương. Hàng ngày phụ nữ quan tâm đến dự báo, cảnh báo thiên tai nhiều hơn so với nam giới

15. Hiện trạng năng lực phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
----	-----------	-----	----------

1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	07/07
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	04/04
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	0
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	23
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì?	Người	2
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu?	Người	4 Trong đó 2 nữ
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	130
	Trong đó số lượng nữ tham gia làm nhiệm vụ sơ cấp cứu, cứu trợ, công tác hậu cần...	Người	25
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BĐKH dựa vào cộng đồng	Người	07
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì?	Người	0
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	0
	- Áo phao	Chiếc	50
	- Loa	Chiếc	25
	- Đèn pin	Chiếc	7
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1
	- Lều bạt	Chiếc	10
	- Xe vận tải	Chiếc	0
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng:		0
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vịClorin
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ: 6 túi thuốc và 10 bộ nẹp cấp cứu chấn thương	Đơn vị
10	Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	4-5kg
11	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1.000.000đ

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC /NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn)	Liệt kê các thôn bị ảnh hưởng	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai /BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	7/7 thôn	Tăng hơn	<ul style="list-style-type: none"> - 2 nhà văn hóa (thôn Hà Úc 1; Bắc Thượng) xuống cấp không an toàn cho sinh hoạt cộng đồng. - 1 chợ chưa kiên cố không đảm bảo an toàn cho các hộ kinh doanh. - Hệ thống truyền thanh xuống cấp, có 06 cụm loa bị hư hỏng, còn 07 cụm còn thiếu chưa được lắp đặt nên không bảo đảm thông tin liên lạc, dự báo cảnh báo khi có thiên tai. 	Thấp	Cao
Bão kèm theo mưa lớn và lụt	7/7 thôn	Tăng hơn	<ul style="list-style-type: none"> - 20 km đường liên thôn chưa được bê tông hóa và 06 cầu chưa được kiên cố, xuống cấp, không đảm bảo an toàn đi lại của người dân. - Hệ thống đê 9km không đảm bảo an toàn (bằng đất). - Hệ thống kênh mương thủy lợi 16,8 km bằng đất (chiếm 90%) sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu. - Kênh mương ở vùng nuôi trồng thủy sản 6 km (20%) sạt lở hư hỏng không đảm bảo dẫn nước và tiêu nước cho NTTS. 	Trung Bình	Trung Bình

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:**

- Nhà văn hóa 2 thôn (Hà Úc 1 và Bắc Thượng) xây dựng lâu năm không được tu sửa, xuống cấp, không đảm an toàn cho sinh hoạt cộng đồng. 04 thôn Hà Úc 2, 3, 4 và An Mỹ chưa nhà văn hóa để sinh hoạt cộng đồng.

- 20 km đường giao thông sạt lở hư hỏng không an toàn, trong đó có 8 km nằm ở vùng nguy cơ cao (Khu vực khe Tầm và đầm Thủy Tú), 12 km nằm dọc theo khu dân cư, nền đường bằng đất, lạt kéo dài và ngập úng ngâm lâu làm yếu nền đường. 6 cầu xây dựng đã lâu năm, nhưng xã không có kinh phí để đầu tư, huy động đóng góp của người dân rất khó khăn vì người dân còn nghèo, lao động thu nhập thấp, cũng còn một số hộ dân có tư tưởng ỉ lại vào ngân sách không chịu đóng góp.

- Hệ thống kênh mương thủy lợi 16,8 km bằng đất (chiếm 90,%) thường xuyên bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu. Kênh mương ở vùng nuôi trồng thủy sản 6 km (20%) sạt lở hư hỏng không đảm bảo dẫn nước và tiêu nước cho nuôi trồng thủy sản

***Cột (5) Năng lực, kỹ năng:**

- Có nguồn điện do nhà nước quản lý và bán điện đến tận hộ dân; cung cấp đủ công suất sử dụng điện cho người dân.

- Có 3,2 km đường quốc lộ 49b đi qua thuận lợi cho đi lại, phát triển dịch vụ thương mại, lưu thông hàng hóa. Có 30 km đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa bắt đầu phát động đóng góp của người dân (30%) từ năm 1997 và có sự hỗ trợ của huyện, xã 70% . Có 0,8 km đường giao thông kết hợp đường sơ tán ở khu dân cư ven đầm Thủy Tú (Thôn Hà úc 4) được kiên cố hóa do Luxembua tài trợ.

- Có 12 km kênh mương khu vực nuôi trồng thủy sản đã được kiên cố (80%),

- Trường mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia đảm bảo an toàn cho học sinh đi học và có thể làm nơi sơ tán khi có thiên tai và 01 nhà văn hóa kiên cố đảm bảo sinh hoạt cộng đồng. Trụ sở UBND được xây dựng kiên cố năm 2003 có thể làm nơi sơ tán. Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, được đầu tư xây dựng 2 tầng năm 2010 có 15 phòng kiên cố đảm bảo khám điều trị ban đầu cho người dân.

*Tuy nhiên các công trình kiên cố không có hệ thống vệ sinh, nước sạch, không có các phòng riêng cho nam, nữ, phòng cho người khuyết tật nên chưa đảm bảo cho sơ tán khi có thiên tai.

***Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- 2 Nhà văn hóa sập đổ hư hỏng không an toàn cho sinh hoạt cộng đồng khi có bão.

- 20 km Đường đường giao thông bị sạt lở và 6 cầu hư hỏng không đảm bảo an toàn khi có bão kèm theo mưa lớn và khi có lụt.

- Hệ thống kênh mương thủy lợi 16,8 km và 6 km kênh mương vùng nuôi trồng thủy sản bị sạt lở, bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu.

- Nguy cơ bị vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên.

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, xu hướng thiên tai cục đoan hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Bão kèm theo triều cường	7/7	Tăng hơn	- Nhà bán kiên cố: 897 nhà (trong đó 80 nhà nằm ở vùng nguy cơ cao, chiếm 9%) - Nhà thiếu kiên cố 196 nhà (trong đó 1 nhà ở vùng nguy cơ cao chiếm 0, 5%) - Nhà đơn sơ 45 nhà nằm ở vùng nguy cơ cao không	Thấp	Cao
--------------------------	-----	----------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------	-----

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:** Nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố do xây dựng lâu năm. Các hộ nghèo không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, phụ nữ đơn thân, phụ nữ nuôi con nhỏ nên không có kinh phí để nâng cấp sửa chữa, xây mới nhà ở. Có một số hộ nghèo do thiếu kiến thức, nhưng cũng có những hộ có tư tưởng ỉ lại "không muốn thoát nghèo".

***Cột (5) Năng lực kỹ năng:**

- Có 659 nhà kiên cố trong đó khoảng 350 nhà có thể làm nơi lánh nạn (53%)
- Có trên 3.000 người đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài (Mỹ, Úc, Canada, Đức, Pháp...) có thu nhập cao, gửi tiền về để xây dựng nhà ở, nhà thờ họ tộc, lăng mộ kiên cố.

***Cột (6) rủi ro thiên tai:**

- Nhà ở của các hộ dân sập đổ, tốc mái khi có bão xảy ra.
- Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên và kèm theo triều cường

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH (<i>Bão, lụt Hạn hán, nhiễm mặn, rét hại, xu hướng thiên tai cực đoan hơn.</i>)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (<i>tăng, giữ nguyên, giảm</i>)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (<i>Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai</i>)	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (<i>Cao, Trung Bình, Thấp</i>)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (<i>cao, trung bình, thấp</i>)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, hạn hán, rét đậm rét hại	7/7 thôn	Tăng hơn	- Có 266 hộ có nhà vệ sinh tạm và 69 hộ chưa có nhà vệ sinh nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Thấp	Cao

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:** Có 266 hộ dân có nhà vệ sinh tạm, 69 hộ chưa có nhà vệ sinh, đa số hộ chăn nuôi thải trực tiếp chất thải ra môi trường. Một số hộ dân xả rác thải bừa

bãi không đúng nơi quy định; Chưa có thùng rác nơi công cộng; thu gom rác mới đạt 50%. Hệ thống thoát nước thải bằng mương đất chưa đảm bảo vệ sinh

***Cột (5): Năng lực và kỹ năng:** Người dân chủ yếu sử dụng nước giếng khoan, nhưng nguồn nước giếng khoan cũng bị nhiễm phèn và bị ô nhiễm, UBND xã đã xin đầu tư hệ thống nước sạch; hiện nay, đang triển khai hệ thống nước sạch. Dự kiến tháng 10/2018 đưa vào sử dụng.

***Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- Ô nhiễm môi trường trên diện rộng sau thiên tai

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, Hạn, hánxu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, hạn hán, nhiễm mặn, rét hại	7/7 thôn	Tăng lên	- Y tế thôn hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu do còn thiếu 5 người (2 người phục vụ 7 thôn). - Có 1 nữ hộ sinh nhưng phần lớn người dân đều đến Bệnh viện huyện để sinh con (cách xã 17 km)	Thấp	cao

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:**

- Y tế thôn còn thiếu 5 người, 2 người phục vụ cho 7 thôn nên công tác kiểm tra giám sát vệ sinh môi trường ở thôn còn hạn chế. Tuy nhiên trình độ dân trí người dân còn thấp không đồng đều, đặc biệt là chị em phụ nữ ít đi khám và điều trị phụ khoa.
- Việc sử dụng trang thiết bị chuyên môn sâu còn hạn chế, do đào tạo ngắn ngày nên gặp khó khăn (Sử dụng máy siêu âm chỉ học 3 tháng)

***Cột (5) Năng lực, kỹ năng:**

- Cán bộ y tế đều có chuyên môn (02 bác sỹ, 2 y sỹ, 01 hộ sinh, 1 dược sỹ) có khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật thực hiện đầy đủ các chương trình của y tế, giám sát dịch bệnh và vệ sinh môi trường. Khi có thiên tai tổ chức tiếp nhận sơ cứu ban đầu và chuyển đến bệnh viện huyện (17km).

- Trạm y tế có 5 giường bệnh để điều trị bệnh ban đầu cho bệnh nhân, có trang thiết bị tương đối đầy đủ để khám và điều trị.

- Trạm y tế đã dự trữ các loại thuốc và hóa chất để ứng phó với thiên tai (5-7 triệu /năm) và có sự hỗ trợ của trung tâm y tế huyện như phun thuốc diệt muỗi tiêu độc, khử trùng nguồn nước.

- Trạm y tế tổ chức tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai và trẻ em trong độ tuổi đạt 98,8%. Tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng.

- Công tác tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh tổ chức thường xuyên với nhiều hình thức như qua hệ thống truyền thanh, tư vấn trực tiếp, khi có nguy cơ dịch bệnh truyền truyền bằng xe lưu động

***Cột (6) Rủi ro thiên tai:**Nguy cơ mắc các bệnh sau thiên tai: tiêu chảy, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ...

5. Kết quả đánh giá về giáo dục:

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão,lụt, Hạchán, rét đậm rét hại, xu hướng thiên tai cực đoan hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, nguyên, Giảm)	TTDBTT của học sinh và giáo viên, có sự khác biệt nào giữa nam và nữ	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	10/10 xóm,	Tăng	-Trường học thiếu trang thiết bị phòng chống thiên tai như: Áo phao, phao cứu sinh, dụng cụ sơ cấp cứu..... - Giáo viên và học sinh các trường chưa được tập huấn về PCTT/BĐKH, kỹ năng sơ cấp cứu thường xuyên, - Tỷ lệ trẻ em không biết bơi 85% (trường tiểu học)	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

- Khi có thiên tai học sinh được nghỉ học, chủ yếu nhà trường phòng tránh thiệt hại, bảo vệ cơ sở vật chất, khi có cảnh báo bão lụt các trường bố trí giáo viên trực 24/24 (nam trực là chủ yếu);

- Các trường đã lập phương án ứng phó với thiên tai theo chỉ đạo của phòng giáo dục và UBND xã. Đã tổ chức tuyên truyền PCTT cho học sinh nhưng chủ yếu qua các buổi chào cờ, chưa tập huấn trong các tiết học. Tài liệu về PCTT có nhưng rất ít, chưa tổ chức được các hội thi.

- Các trường (tiểu học) đã tổ chức tập bơi cho học sinh, nhưng còn rất ít mỗi năm chỉ được 30 em.

6. Kết quả đánh giá về rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, Hạn hán, nhiễm mặn, Rét hại xu hướng thiên tai cục đoan hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão và Hạn hán nắng nóng	Thôn Hà úc 3; Bắc Thượng; Trung đình Hải và An Mỹ	Tăng	Có 260, 92 ha rừng trong đó 124, 87 ha rừng phòng hộ, 136,05 ha rừng sản xuất. Rừng phòng hộ các lớp thực bì dày từ 5-10 cm dễ bị gây cháy khi nắng nóng kéo dài, cây cao dễ bị đổ khi có bão	Thấp	Cao

Nhận xét:

- Rừng phòng hộ có các lớp thực bì dày từ 5-10 cm dễ bị gây cháy khi nắng nóng kéo dài, ý thức của người dân chưa cao, còn đốt rác gần rừng, dụng cụ phòng cháy chữa cháy còn thiếu.
- Rừng phòng hộ được giao cho 110 hộ dân chăm sóc và bảo vệ, có ban PCCC ở xã, có tổ PCCC tự quản ở thôn. Rừng sản xuất kinh tế có 50 hộ được giao trồng, chăm sóc bảo vệ để phát triển kinh tế.
- **Rủi ro thiên tai:** Đổ ngã cây rừng khi có bão lớn, nguy cơ cháy rừng khi có hạn hán nắng nóng kéo dài.

7. Kết quả đánh giá về trồng trọt (Trồng lúa và hoa màu)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, hạn hán, nhiễm mặn, rét đậm rét hại xu hướng thiên tai cục đoan hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Bão, lụt,	Thôn Hà úc 1, 2,3,4	Tăng hơn	- 80,3 ha trồng lúa vụ Đông Xuân và 3,5 ha trồng lúa vụ hè thu nằm ở vùng trũng, hệ thống kênh mương bằng đất bị sạt lở, bồi lấp. - 200 ha trồng hoa màu diện tích manh mún, không tập trung; thiếu vốn đầu tư. - 7 ha trồng sen ở thôn Hà úc 3 vùng trũng (gần khe Tầm)	Thấp	Cao
Hạn hạn, nhiễm mặn	Thôn Hà úc 1,2,4	Tăng hơn	Diện tích trồng lúa và trồng màu, nằm sát vùng nuôi trồng thủy sản, khi hạn hán bị nhiễm mặn trên diện rộng	Trung bình	Trung bình
Rét đậm rét hại	Thôn Hà úc 1,2,4	Tăng hơn	Diện tích gieo mạ, hoa màu không có ni lông bao phủ, không có nguồn nước dự trữ, hệ thống kênh mương không đảm bảo để bơm nước giữ ẩm cho cây lúa	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:** Diện tích trồng lúa, trồng hoa màu và trồng sen nằm ở vùng trũng, thiếu hệ thống kênh mương (làm bằng đất chưa kiên cố), diện tích manh mún, nhỏ lẻ. Chưa đầu tư cơ sở hạ tầng, chưa thâm canh phát triển sản xuất, chủ yếu tự cung tự cấp; chưa có cơ sở cung cấp dịch vụ nông nghiệp. Người dân chưa được tập huấn chuyên giao KHKT, sản xuất còn mang tính cổ truyền theo kinh nghiệm là chính. Một số diện tích đất không có nước tưới, diện tích nhỏ, bậc thang sản xuất không hiệu quả đã bị bỏ hoang.

***Cột (5) Năng lực và kỹ năng:** Gieo trồng lúa đúng lịch thời vụ; biết chọn giống lúa thích hợp với thời tiết khí hậu; Thu hoạch trước mùa mưa bão. Trồng hoa màu đã đa dạng nhiều loại cây trồng, phù hợp với thời tiết và thổ nhưỡng; Tham gia sản xuất có 60% là nữ đã biết học hỏi trao đổi hàng hóa khi thu hoạch tăng thu nhập cho gia đình.

***Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu khi thiên tai xảy ra.
- Diện tích đất bỏ hoang không sản xuất được

8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, Lụt, Hạn hán, Rét hại, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỪBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, hạn hán, rét đậm rét hại	7/7 thôn	Tăng hơn	- Chăn nuôi nhỏ lẻ ở các hộ gia đình là chính, chuồng trại chưa kiên cố, hệ thống nước thải kém, có hầm biôga; - Có 32 gia trại nhưng cũng chưa đầu tư xây dựng chuồng trại kiên cố	Thấp	Cao

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:**

- Chuồng trại chăn nuôi chưa kiên cố, hệ thống thoát nước thải bằng đất, các hộ chăn nuôi đang thải chất thải trực tiếp ra môi trường

- Đa số các hộ thiếu kiến thức, chủ yếu là chăn nuôi tự phát không theo khuyến cáo, không chủ động đầu ra, giá cả bấp bênh.

***Cột (5) năng lực kỹ năng:** Tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức chăn nuôi, tiêm phòng theo định đạt 70%. kỹ năng, chăm sóc gia súc gia cầm nam 20%, nữ 80% tuy nhiên kiến thức còn hạn chế, ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, việc áp dụng KHKT chưa phổ biến.

***Cột (6) Rủi ro thiên tai:** Gia súc, gia cầm chết, Bị dịch bệnh khi có thiên tai.

9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, Hạn hán, Nhiễm mặn, Rét hại, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỪBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Đánh bắt thủy hải sản					
Bão	-Thôn Hà Úc 2, 4 đánh bắt	Tăng hơn	Có 2 tàu, 47 thuyền đánh bắt thủy sản. Thuyền nhỏ xuống	Thấp	Cao

	trên đầm phá. - Thôn Bắc Thượng; Trung Định Hải, An Mỹ và Hà Úc 3 đánh bắt trên biển		cấp, công suất thấp chủ yếu đánh bắt gần bờ - Trang thiết bị thiếu (bộ đàm, áo phao, phao cứu sinh, radio). - Chưa có nơi neo đậu để tàu thuyền tránh trú		
2. Nuôi trồng thủy sản					
Lụt, nhiễm mặn, hạn hán, rét hại	Thôn Hà Úc 1, Hà Úc 2, Hà Úc 3 và Hà Úc 4	Tăng hơn	- Bờ bao thấp, hệ thống giao thông thủy lợi không phù hợp, thiếu điện sản xuất (Điện 3 pha) - Đê bao xuống cấp chưa có cây rừng bảo vệ, dễ bị vỡ, ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản	Thấp	Cao

Nhận xét:

*Cột (4) TTDBTT:

- Đánh bắt thủy sản thuyền nhỏ, công suất thấp, thiếu trang thiết bị, Thiếu vốn đầu tư đánh bắt xa bờ, chưa có đầu ra cho sản phẩm chủ yếu tự cung tự cấp trong vùng nên kém phát triển, Ngư dân vẫn còn chủ quan chưa có áo phao, phao cứu sinh trên các thuyền đánh bắt nên nam giới nguy cơ bị chết trên biển, phụ nữ đơn thân nuôi con một mình cao.

- Nuôi trồng thủy sản: Ở thôn Hà úc 1,2,4, với diện tích nuôi trồng ở đầm phá 53,3 ha, nuôi cá nước ngọt 7 ha, Hà úc 3 với diện tích 50 ha, chuyên nuôi tôm trên cát (vùng giáp biển). Diện tích nuôi trồng có bờ bao thấp, hệ thống đê bao bằng đất dễ bị sạt lở, kỹ thuật nuôi trồng còn hạn chế, Lán trại chưa kiên cố; một số người dân chủ quan, thiếu kiến thức về chăm sóc nuôi trồng. Chưa có đầu ra cho sản phẩm, giá cả bấp bênh, nuôi trồng thủy sản phụ thuộc chủ yếu vào thiên nhiên, con giống trôi nổi chưa kiểm định, sử dụng thuốc nuôi trồng thủy sản tùy tiện.

*Cột (5) Năng lực và kỹ năng:

- Vận động người dân chung nhau vay vốn, tạo điều kiện vay vốn đóng tàu thuyền công suất lớn đánh bắt xa bờ. Làm tờ trình kiến nghị cấp trên xây dựng nơi neo đậu tàu thuyền để có nơi tránh trú an toàn khi có thiên tai

- Chính quyền đã có quy hoạch vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản, tạo điều kiện vay vốn, khuyết cáo chăm sóc và phòng chống thiên tai

*Cột (6) Rủi ro thiên tai:

- Nguy cơ người chết và bị thương của ngư dân đánh bắt trên biển khi có bão.

- Tàu thuyền hư hỏng mất ngư lưới cụ khi có bão xảy ra.
- Khu neo đậu tàu thuyền chưa có không đảm bảo an toàn cho tàu thuyền trú ẩn khi có bão.
- Nguy cơ vỡ đê khi có bão và gây lụt lớn diện rộng

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch: ở xã đang quy hoạch phát triển du lịch

Loại hình Thiên tai, BDKH (Bão, lụt, Hạn hán, rét hại, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BDKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Trung Định Hải	Tăng	- Có bãi tắm, đang quy hoạch vùng du lịch 3 ha. - Có 9 hộ dân đang kinh doanh nhà hàng phục vụ ăn uống nhưng quán bán hàng đơn sơ.	Thấp	Cao

Nhận xét: Bãi tắm đang quy hoạch giai đoạn 1, được được đầu tư, cơ sở chưa có kinh phí, biển tuy đang hoang sơ nhưng người dân trong xã Vinh An và các xã lân cận vẫn đến tắm thường xuyên vào mùa hè, cũng có một số ít khách ở các nơi đến tắm, có cả khách du lịch nước ngoài vì vậy hiện nay xã đang quy hoạch khu du lịch với diện tích 3 ha và có 07 hộ đang kinh doanh nhà hàng phục vụ ăn uống nhưng quán bán hàng đơn sơ.

11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BDKH (Bão, Lụt, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BDKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Dịch vụ kinh doanh, buôn bán nhỏ					

Bão , Lụt	7/7 thôn	Giữ nguyên	- Kinh doanh hộ gia đình nhỏ lẻ, tự phát: - Lều quán tạm bợ; thiếu vốn đầu tư, thiếu kho dự trữ hàng hóa; hàng hóa chưa đa dạng.	Trung bình	Trung bình
2. Tiểu thủ công nghiệp (Xây dựng, mộc, mỹ nghệ, may mặc, sửa chữa xe máy...)					
Bão, lụt, hạn hán, rét đậm rét hại	7/7 thôn	Giữ nguyên	Cơ sở vật chất còn tạm bợ; Sản xuất nhỏ lẻ, tự phát. không có bảo hộ lao động, chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo nghề	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:** Chưa tổ chức đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, Các công việc phải bỏ sức lao động nhiều nhưng thu nhập không cao, Đa số người làm thuê không đóng bảo hiểm, không có bảo hiểm lao động.

***Cột (5) Năng lực và kỹ năng:** Lực lượng lao động dồi dào trẻ, khỏe đi làm ăn xa có khoảng 5000 người Việt Kiều đang làm ăn sinh sống ngoài địa phương có thu nhập cao gửi tiền về cho gia đình. Tại địa phương chủ yếu là người già, trẻ em nên thiếu lực lượng tham gia PCTT.

***Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- Sập đổ lều quán, hư hỏng hàng hóa mất việc làm của người buôn bán nhỏ khi có bão
- Nguy cơ tai nạn lao động cho người làm thuê khi có thiên tai

12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về Thiên tai và biến đổi khí hậu và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐ KH (Bão, Lụt, xu hướng thiên tai cực đoan hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	7/7 thôn	Cao hơn	- Khu vực nuôi trồng thủy sản chưa có loa truyền thanh - Cán bộ thôn chưa	Trung bình	Cao

			<p>được tập huấn công tác thông tin cảnh báo sớm</p> <p>- Hệ thống truyền thanh đang bị hư hỏng, xuống cấp</p> <p>- Chưa có hệ thống cảnh báo sớm</p>		
--	--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

Nhận xét: Hệ thống truyền thanh không đầy đủ trên toàn xã, mỗi thôn có 2-3 cụm loa, khi có thiên tai ban chỉ huy PCTT thông báo nhanh, kịp thời, các thông tin về PCTT được phát trên hệ thống loa truyền thanh từ xã đến thôn 02lần/ngày; khi có cảnh báo thiên tai thì được phát thường xuyên. Có 70% các hộ dân tiếp cận được với thông tin truyền thông. Tuy nhiên các hoạt động truyền thông còn hạn chế chưa thực hiện thường xuyên; Công tác diễn tập PCTT hằng năm chưa được thực hiện, sự phối hợp giữa các đoàn thể về công tác tuyên truyền PCTT chưa đồng bộ. Hệ thống truyền thanh xuống cấp chưa được tu sửa thường xuyên.

***Rủi ro thiên tai:**

- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo công tác tổ chức diễn tập và cứu hộ, cứu nạn.
- Hệ thống truyền thanh xuống cấp chưa đảm bảo thông tin liên lạc dự báo, cảnh báo khi có thiên tai xảy ra.

13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão,lụt, Hạn hán,Nhiễm mặn, Rét hại , xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, Lụt, Hạn hán, Nhiễm mặn, Rét hại	7/7 thôn	Tăng	-Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT - Một số tổ chức, cá nhân phối hợp PCTT chưa cao - Một số cán bộ kiến	Trung bình	Cao

			thức, năng lực còn hạn chế - Lập kế hoạch PCTT chưa có sự tham gia của người dân		
--	--	--	-------------------------------------------------------------------------------------	--	--

Nhận xét:

***Cột (4) TTDBTT:**Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT, Trang thiết bị, phương tiện, vật tư thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu. Huy động phương tiện khó khăn. Thiếu nguồn kinh phí hoạt động. Công tác hậu cần còn yếu, nguồn lương thực phẩm dự trữ trước mùa thiên tai chưa đáp ứng được nhu cầu.

***Cột (5) Năng lực, kỹ năng:**Hàng năm kiện toàn công tác tổ chức:Ban chỉ huy PCTT của xã gồm 23 người (nữ 2 người); Kiện toàn lực lượng phòng chống - ứng phó thiên tai; Lực lượng trung đội mạnh; Phân công giao nhiệm vụ cho từng bộ phận và cá nhân phụ trách; Hội phụ nữ cũng là thành viên trong ban chỉ huy PCTT, được tham gia tập huấn nâng cao năng lực và thường xuyên truyền truyền về phòng ngừa, ứng phó với thiên tai cho hội viên. Ban chỉ huy PCTT đã xây dựng phương án PCTT hằng năm. Đội ngũ cán bộ có ý thức, trách nhiệm, nhiệt tình, có trách nhiệm cao.Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ củanăm.Tuy nhiên công tác diễn tập PCTT chưa được tổ chức, chưa tập huấn kỹ năng PCTT cho cán bộ và lực lượng trung đội mạnh.

***Cột (6) Rủi ro thiên tai:**Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn và phòng cháy chữa cháy còn thiếu không đảm bảo cho công tác diễn tập PCTT và phòng cháy chữa cháy

14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Loại hình Thiên tai/BĐKH <i>(Bão,lụt, Hạn hán,Nhiễm mặn, Rét hại , xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)</i>	Thôn	Xu hướng thiệt hại <i>(Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)</i>	TTDBTT <i>(Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Rủi ro thiên tai/BĐKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

D.TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Trong đợt đánh giá nhóm HTKT và người dân các cụm thôn đã xác định có 5 loại thiên tai thường xảy ra trên địa bàn xã Vinh An bao gồm: Bão, Lụt, Hạn hán, nhiễm mặn, Rét hại và căn cứ đánh giá TTDBTT đã xác định được 19 RRTT thường xảy ra. Nhóm HTKT và người dân đã xếp hạng RRTT theo 3 tiêu chí: (1)Nghiêm trọng, (2)thường xuyên xảy ra (3)xảy ra trên diện rộng nên các RRTT được xếp theo thứ tự từ 1 đến 19 và phân tích 7 nguyên nhân quan tâm như sau:

Thứ tự ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTĐBTD	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà văn hóa thôn bị sập đổ, hư hỏng, không đảm bảo sinh hoạt cộng đồng khi có thiên tai	- 02 nhà văn hóa thôn Hà Úc 1 và thôn Bắc Thượngtạm bợ, 04 thôn Hà úc 2,3,4 và An Mỹ chưa có nhà văn hóaphải mượn nhà dân để sinh hoạt cộng đồng	- Xã chưa có kinh phí để đầu tư; - 02 nhà văn hóa tận dụng cơ sở cũ đã xuống cấp; - Người dân thu nhập thấp, không có điều kiện để đóng góp; - Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, phụ nữ đơn thân, người già neo đơn cao: 27%	- Hỗ trợ xây dựng mới 6 nhà văn hóa chưa có hoặc đã xuống cấp; nâng cấp 2 nhà văn hóa đơn sơ để có nơi sinh hoạt cộng đồng và làm nơi sơ tán khi có thiên tai. - Đào tạo nghề, hỗ trợ mô hình sản xuất mới, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ đơn thân.
2	Nhà ở bị sập, tốc mái, hư hỏng khi có bão	- Có 45 nhà ở vùng nguy cơ cao (ven đầm phá ven biển); - 45 nhà đơn sơ và bán kiên cố; - Có hệ thống đê bao 10,9 km bằng đất nguy cơ bị vỡ khi bão cấp 10 trở lên có thể cuốn trôi nhà ở của người dân. - Đầm Thủy Tú rộng khoảng 115ha khi có bão thường kèm theo mưa có thể cuốn trôi nhà ở của người dân	- Chưa có đất để tái định cư, người dân ở lâu năm gắn liền với tập tục canh tác nên không muốn di dời - Người nghèo thu nhập thấp không có tiền để đầu tư xây nhà ở kiên cố - Thiếu việc làm thu nhập thấp, không ổn định lo làm ăn không quan tâm xây nhà kiên cố . - Công tác tuyên truyền chưa được thường xuyên, hệ thống truyền thanh xuống cấp; - Ban PCLB và đội PCLB cấp thôn chưa được tập huấn, thiếu trang thiết bị để hỗ trợ chàng chống trước thiên tai - Một số người dân vẫn còn tâm lý chủ quan.	- Sơ tán người ra khỏi vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn; - Hỗ trợ xây dựng nhà chống bão lụt cho các hộ nghèo; - Tạo nhiều việc làm tại địa phương để tăng thu nhập cho người dân; - Hỗ trợ kinh phí gia cố đê, xây kè kiên cố; - Trồng rừng ngập mặn ở ven đê và ven đầm Thủy Tú; - Tuyên truyền nâng cao kiến thức cho người dân; - Tập huấn PCTT và hỗ trợ trang thiết bị cho ban PCTT - Nâng cấp hệ thống truyền thanh.
3	20km đường bị sạt lở; 06 cầu bị hư hỏng khi có bão lụt	- 8km đường nằm ở vùng nguy cơ cao (khu vực Khe Tầm và đầm Thủy Tú);	- Hệ thống đường đất xuống cấp; - Cầu xây dựng lâu năm; - Xã chưa có kinh phí để đầu tư; - Huy động nguồn lực trong	- Hỗ trợ xây dựng 20km đường giao thông và 06 cầu bị hư hỏng; - Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp

		- 12km đường nằm ở vùng dân cư.	dân khó khăn do người dân còn nghèo, thu nhập thấp, một số hộ dân còn y lại vào ngân sách địa phương (không chịu đóng góp).	có kinh tế cao và người đi làm ăn xa có điều kiện.
4	Chợ bị sập, không an toàn cho các hộ kinh doanh khi có bão	- Chợ nhỏ, chưa kiên cố, còn tạm bợ; - Có 145 hộ kinh doanh, buôn bán; - Người dân toàn xã và các xã lân cận đến chợ trao đổi hàng hóa, buôn bán;kinh doanh - Các lô quầy còn tạm bợ.	- Một chợ có quy hoạch, xây dựng tạm bợ; một chợ tự phát, lều quán tự che chắn, rất tạm bợ; - Xã thiếu kinh phí đầu tư; - Một số hộ dân chưa chấp hành theo quy định của xã; - Các hộ kinh doanh thiếu vốn đầu tư; - Các hộ buôn bán tự phát, không có kỹ năng buôn bán, 90% người dân buôn bán ở chợ là phụ nữ, chưa có kế hoạch kinh doanh, chưa có kinh nghiệm kinh doanh.	- Đầu tư xây dựng chợ mới, nâng cấp, sửa chữa chợ hiện có; - Sắp xếp lại các lô quầy, hỗ trợ vay vốn; - Tập huấn kỹ năng kinh doanh và vệ sinh ATTP cho phụ nữ; - Tuyên truyền vận động các hộ kinh doanh tự phát tập trung vào chợ để buôn bán.
5	Hệ thống kênh mương bị sạt lở, bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi xảy ra thiên tai	- 16,8km kênh mương tưới tiêu bằng đất xuống cấp; - 6km kênh mương NTTS xuống cấp.	- Chưa có kinh phí đầu tư để bê tông hóa; - Người dân làm nông nghiệp nhỏ lẻ, thu nhập thấp; không có điều kiện đóng góp - Địa hình không bằng phẳng, bậc thang; làm kênh mương phải đầu tư kinh phí lớn. - Không chủ động tưới tiêu do không có hồ chứa dự trữ nước - Chủ yếu sản xuất 1 vụ và có một số diện tích bị bỏ hoang; - Một số diện tích thấp bị ngập úng.	- Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương và khu NTTS; - Nạo vét kênh mương; - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng; - Nuôi trồng xen ghép (tôm - cá, sen – cải)
6	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai	- Tỷ lệ thu gom rác thải chỉ đạt 50%; chưa có thùng rác nơi công cộng; 20%	- Một số tuyến đường nhỏ, hẹp xe chưa vào tận nơi để thu gom; - Chưa có kinh phí đầu tư trang thiết bị; thiếu dụng cụ	- Mua sắm trang thiết bị phục vụ thu gom rác thải và thùng rác nơi công cộng; - Hỗ trợ xây dựng

		chưa có nhà vệ sinh; các hộ chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường; nghĩa trang chưa có quy hoạch	thu gom rác; đội thu gom rác chưa qua tập huấn. - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hệ thống xử lý rác thải; - Các hộ nghèo thiếu kinh phí xây dựng nhà vệ sinh và ý thức của các hộ còn thấp	hầm biogas và đệm lót sinh học cho các hộ chăn nuôi; hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà vệ sinh; - Tập huấn nâng cao năng lực cho người dân để bảo vệ môi trường và xử lý những hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường.
7	Nguy cơ cháy rừng khi có hạn hán, nắng nóng	- Có 280ha rừng trong đó 197ha rừng phòng hộ còn lại là rừng sản xuất	- Các lớp thực bì dày từ 5-10 cm dễ gây cháy. - Ý thức của người dân chưa cao; chưa được tập huấn; - Các công cụ PCCC còn thiếu.	- Nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ rừng và PCCC rừng; - Hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí hoạt động PCCC. - Tập huấn kỹ năng PCCC

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.

Qua việc phân tích nguyên nhân RRTT nhóm HTKT và người dân các cụm thôn đã tổng hợp được 19 giải pháp PCTT và xếp hạng ưu tiên theo 3 tiêu chí (1) Tính cấp bách, (2) Tính khả thi (3) Có thể vận động được nguồn lực để thực hiện, từ đó đưa ra các hoạt động thực hiện giải pháp như sau:

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (%)		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	Xây dựng 07 nhà văn hóa thôn	Người dân 7 thôn	1. Xây dựng 07 nhà văn hóa thôn		x	40	10	50
				x		40	10	50
	Kiên cố hóa 20km đường	Người dân toàn xã	1. Kiên cố hóa 20km đường giao thông		x	40	10	50

	giao thông và nâng cấp 6 cầu để đảm bảo an toàn đi lại cho người dân		2. Nâng cấp 06 cầu trên tuyến đường trục chính	x		25	5	70
			3. Xử phạt hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông	x		100		
	Hỗ trợ kinh phí gia cố đê, xây kè kiên cố toàn tuyến đê bao	Người dân toàn xã	1. Lập tờ trình kiến nghị tỉnh, huyện	x		100		
			2. Nâng cấp gia cố đê		x			100
			3. Xây kè kiên cố toàn tuyến đê bao		x			100
	Đầu tư xây dựng chợ mới và nâng cấp sửa chữa chợ hiện nay	Người dân toàn xã	1. Nâng cấp chợ hiện có (chợ An Bằng)		x	30	0	70
			2. Xây dựng chợ mới Hà Úc.		x	30	0	70
	Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng và kênh mương NTTS để đảm bảo phát triển sản xuất lúa và NTTS	Toàn xã	1. Nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh.	x		50	50	
			2. Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng.		x	40	10	50
			2. Xây dựng hệ thống kênh mương vùng NTTS.		x	40	10	50
Nhà ở	Hỗ trợ xây nhà ở cho 45 hộ nhà đơn sơ và thiếu kiên cố	45 hộ dân được xây nhà	1. Hỗ trợ xây dựng 45 nhà đơn sơ	x		10	50	GCF 40%
			2. Hỗ trợ xây dựng 196 nhà thiếu kiên cố		x	10	50	GCF 40%
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Mua sắm trang thiết bị phục vụ thu gom và xử lý rác và thùng rác nơi	Người dân toàn xã	1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ thu gom và xử lý rác	x		25	0	GCF 75%
			2. Mua sắm thùng rác, xuống rác các nhà văn hóa và nơi công cộng	x		25	0	GCF 75%

	cộng cộng		3. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về VSMT	x	x	100		
	Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ 69 hộ nghèo làm nhà vệ sinh	x			5	GCF 95%
			2. Hỗ trợ 50 hộ chăn nuôi làm hầm bioga và đệm lót sinh học	x			5	GCF 95%
Rừng	Trồng rừng ngập mặn ven đê và ven đầm Thủy Tú	Người dân toàn xã	1. Khảo sát diện tích đất trồng RNM ven đê và ven đầm Thủy Tú	x		100		
			2. Kiến nghị cấp trên quy hoạch vùng trồng RNM	x		100		
			3. Tổ chức trồng RNM		x	20	10	GCF 70%
Thủy sản	Hỗ trợ vay vốn đóng tàu thuyền lớn đánh bắt xa bờ và hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc	Các hộ đánh bắt thủy sản	1. Hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc cho các thuyền đánh bắt cá, radio, bộ đàm, định vị	x			25	75
			2. Hỗ trợ áo phao, phao cứu sinh cho các thuyền đánh bắt	x				100
			3. Hỗ trợ vay vốn đóng tàu thuyền lớn đánh bắt xa bờ		x	90	10	
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, CSSK	Toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	100		
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích	x	x			GCF 100 %

			4. Diễn tập PCTT	x	x	30	20	GCF 50%
			5. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50	50	
			6. Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x	x	30	20	GCF 50%
	Nâng cấp hệ thống truyền thanh để đảm bảo cho công tác tuyên truyền thông tin liên lạc, dự báo cảnh báo thiên tai	Toàn xã	1. Nâng cấp hệ thống truyền thanh	x		25		75
			2. Bổ sung các cụm loa còn thiếu	x		25		75
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn	Người dân vùng nguy cơ cao và các nhà tạm bợ	1. Hỗ trợ sơ tán cho đối tượng DBTT	x		100		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x		100		
			3. Hỗ trợ mỳ tôm nước uống nơi sơ tán	x		50	50	
			4. Vệ sinh môi trường sau thiên tai	x		50	50	
Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu và tập huấn kỹ năng cho đội PCTT ở xã và 7 thôn và mua sắm trang thiết bị PCCC	Đội xung kích, CTD, trung đội mạnh xã, thôn	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu	X		30		GCF 70%	
		2. Mua sắm trang thiết bị PCCC	x		30		GCF 70%	
		3. Tập huấn kỹ năng cho đội PCTT ở xã và 7 thôn	x		30		GCF 70%	
Lĩnh vực khác	Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người	Người dân toàn xã	1. Đào tạo nghề (NTTS, chăn nuôi, thú y, may mặc, mộc, mỹ nghệ)	x	x			100

dân tại địa phương		2. Giới thiệu việc làm	x	x	50		50
		3. Hỗ trợ phát triển kinh tế tại chỗ	x	x	50		50
Đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất mới phù hợp, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ đơn thân	Nam/nữ toàn xã	1. Tổ chức tập huấn đào tạo nghề cho nam và nữ	x	x	50		50
		2. Hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất mới cho phụ nữ đơn thân	x	x	50		50
Tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và phòng chống cháy nổ và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về PCCC	Người dân vùng có rừng phòng hộ và trồng rừng phát triển kinh tế	1. Tập huấn kiến thức về bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ	x	x	50		50
		2. Tuyên truyền về phòng chống cháy nổ cho người dân	x	x	50		50
		3. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về PCCC	x	x	100		
Tập huấn kỹ năng kinh doanh và vệ sinh an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh là phụ nữ		1. Tập huấn kỹ năng kinh doanh và vệ sinh an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh là nữ	x	x	50		50
		2. Hỗ trợ nâng cấp các lô quầy kinh doanh cho các hộ phụ nữ	x	x		50	50

Trên đây là báo cáo kết quả đánh rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã Vinh An do nhóm hỗ trợ kỹ thuật của xã thực hiện tháng 7/2018./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VPUB xã.

TM. NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT
TRƯỞNG NHÓM
(Đã ký)

Hoàng Đình Xuân Thịnh
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

E. PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá:

STT	Họ và tên	Giới tính		Số điện thoại
1	Hoàng Đình Xuân Thịnh	Nam		0967731122
2	Phạm Xuân Ngọc	Nam		0934929188
3	Lê Thái Yên	Nam		0905615663
4	Võ Thành Được	Nam		0935512369
5	Nguyễn Văn Tiến	Nam		0979666006
6	Lê Thị Hậu		Nữ	0971583919
7	Hoàng Thị Thanh Nhàn		Nữ	0989882245
8	Lê Văn Phúc	Nam		0984344515
9	Hoàng Thị Naly		Nữ	0168351808
10	Hoàng Đặng Trúc	Nam		0935711123
	Tổng cộng	7 Nam	3 nữ	

Phụ lục 2: Chương trình đánh giá

KẾ HOẠCH THỰC ĐỊA ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI - LẬP KẾ HOẠCH PCTT

Xã Vinh An, huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa thiên Huế

Từ ngày 14/07 đến 17/07 năm 2018

Ngày thứ 1: 14/07/2018 Thu thập thông tin (công cụ thông tin sẵn có thực hiện trước và trong khi đánh giá)

Buổi sáng: Họp cụm thôn số 1 gồm có 3 thôn: Bắc Thượng, Trung Đình Hải, An Mỹ

Thành phần mời: 30 người (Mỗi thôn 10 người là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và người đại diện nhóm dễ bị tổn thương trong đó 2 người nghèo thôn Bắc thượng, 2 phụ nữ làm chủ hộ thôn An Mỹ, 1 người khuyết tật, 1 người cao tuổi thôn Trung Đình Hải, đảm bảo ít nhất 50% là nữ và từ các thôn đã được lựa chọn đại diện cho các khu vực có các đặc điểm khác nhau trong xã

Chia thành viên nhóm HTKT và người dân thành 5 nhóm: mỗi nhóm thực hiện 1 công cụ

Thời gian	Địa điểm	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Thành phần tham gia	Kết quả mong đợi
07:30-11.00	Họp tại nhà thôn Trung Đình Hải	Lịch sử thiên tai	Nhóm 1: Trúc + Nhân	Toàn thể người dân	Bảng tổng hợp thông tin lịch sử thiên tai
		Thực hiện công cụ Lịch theo mùa (Nhóm Nữ)	Nhóm 2: Ngọc + Hậu	8 người	Bảng thông tin công cụ lịch theo mùa
		Thực hiện công cụ Lịch theo mùa (Nhóm Nam)	Nhóm 3: Tiến + Thịnh	7 người	Bảng thông tin công cụ lịch theo mùa
		Thực hiện công cụ sơ họa bản đồ RRTT	Nhóm 4: Yên + Na Ly	8 người	Sơ họa bản đồ RRTT và bảng tổng hợp thông tin
		Thực hiện công cụ điểm mạnh điểm yếu trong công tác PCTT	Nhóm 5: Phúc + Được	7 người	Bảng thông tin công cụ điểm mạnh, yếu trong công tác PCTT

Buổi chiều: Họp tại cụm thôn số 2 gồm 2 thôn: Hà Úc 1, Hà Úc 2

Thành phần mời: 30 người (Mỗi thôn 15 người là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và người đại diện nhóm dễ bị tổn thương trong đó 2 người nghèo & 1 phụ nữ làm chủ hộ thôn Hà úc 2 và 1 người khuyết tật, 1 người cao tuổi, 1 phụ nữ làm

chủ hộ thôn Hà Úc 1, đảm bảo ít nhất 50% là nữ và từ các thôn đã được lựa chọn đại diện cho các khu vực có các đặc điểm khác nhau trong xã

Chia thành viên nhóm HTKT và người dân thành 5 nhóm: mỗi nhóm thực hiện 1 công cụ

Thời gian	Địa điểm	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Thành phần tham gia	Kết quả mong đợi
13:30-16:30	Họp tại nhà thôn Hà Úc 1	Lịch sử thiên tai	Nhóm 1: Trúc + Nhân	Toàn thể người dân	Bảng tổng hợp thông tin lịch sử thiên tai
		Thực hiện công cụ Lịch theo mùa (Nhóm Nữ)	Nhóm 2: Ngọc + Hậu	8 người	Bảng thông tin công cụ lịch theo mùa
		Thực hiện công cụ Lịch theo mùa (Nhóm Nam)	Nhóm 3: Tiến + Thịnh	7 người	Bảng thông tin công cụ lịch theo mùa
		Thực hiện công cụ sơ họa bản đồ RRTT	Nhóm 4: Yên + Na Ly	8 người	Sơ họa bản đồ RRTT và bảng tổng hợp thông tin
		Thực hiện công cụ điểm mạnh điểm yếu trong công tác PCTT	Nhóm 5: Phúc+ Được	7 người	Bảng thông tin công cụ điểm mạnh, yếu trong công tác PCTT

Ngày thứ hai: 15/07/2018 Tổng hợp, phân tích thông tin (công cụ thông tin sẵn có thực hiện trước và trong khi đánh giá)

Buổi sáng: Nhóm đánh giá tập trung tại UBND xã để tổng hợp thông tin cho 2 cụm thôn và chuẩn bị cho họp dân lần 2 gồm các bảng sau:

- Tổng hợp đánh giá RRTT (Công cụ 6) của 2 cụm thôn
- Kẻ bảng xếp hạng RRTT (Công cụ 7) cho 2 cụm thôn
- Kẻ bảng phân tích nguyên nhân (Công cụ 8) cho 2 cụm thôn
- Kẻ bảng xếp hạng giải pháp PCTT cho 2 cụm xóm
- Kẻ bảng tổng hợp giải pháp PCTT (Công cụ 9) cho 2 cụm thôn

Buổi chiều: Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/BĐKH.

Thành phần mời: Vẫn ở 2 địa điểm và thành phần như họp lần 1 (**30 người dân**/1 địa điểm như trên người là những người sống lâu trong địa phương, người đại diện nhóm dễ bị tổn thương ... ít nhất 50% là nữ và từ các xóm đã được lựa chọn đại diện cho các khu vực có các đặc điểm khác nhau trong xã

13.30-16.00	Tại nhà thôn Trung Đình Hải và nhà thôn Hà Úc 1	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả tổng hợp công cụ 6 và bổ sung thông tin. - Thảo luận kịch bản BĐKH - Xác định RRTT và xếp hạng RRTT (Công cụ 7) - Lựa chọn 3- 4 rủi ro thiên tai ưu tiên để phân tích nguyên nhân, Xác định giải pháp PCTT (Công cụ 8) - Xếp hạng giải pháp PCTT và Xác định các hoạt động thực hiện giải pháp (Công cụ 9) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng nhóm HTKT chỉ đạo chung - Ở cụm thôn 1: Trúc + Nhân + Ngọc + Yên - Ở cụm xóm 2: Phúc + Na Ly + Được 	Người dân đã tham gia đánh giá ngày 1	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng tổng hợp công cụ 6 được bổ sung thông tin. - Ma trận thảo luận kịch bản biến đổi khí hậu được cung cấp đầy đủ thông tin - Bảng xếp hạng RRTT - Bảng phân tích nguyên nhân - Bảng xếp hạng các giải pháp PCTT - Các hoạt động để thực hiện giải pháp.
7:30-17:00	Hội trường UBND	Hình thành dự thảo báo cáo đánh giá RRTT -DVCD và kế hoạch PCTT (Nhập số liệu về thông tin sẵn có)	Tiến+Hậu	- Hình thành khung báo cáo đánh giá RRTT-DVCD theo mẫu - Hình thành khung kế hoạch PCTT theo mẫu	

Ngày thứ ba: 16/07/2018 Tổng hợp thông tin và kiểm chứng thông tin

Buổi sáng: Nhóm đánh giá tổng hợp thông tin toàn xã tại hội trường UBND xã: Căn cứ các bảng tổng hợp của 2 cụm thôn ở trên:

- Tổng hợp công cụ 6 toàn xã. (Bao gồm cả phần nội dung thảo luận về kịch bản BĐKH)
- Kẽ bảng xếp hạng RRTT toàn xã.
- Kẽ bảng phân tích nguyên nhân của toàn xã
- Kẽ bảng xếp hạng giải pháp PCTT toàn xã.
- Tổng hợp các hoạt động thực hiện giải pháp của toàn xã.
- 2 người viết báo cáo vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình

Buổi chiều: Họp kiểm chứng thông tin tại UBND xã

Thành phần mời: 30 người gồm: **6 cán bộ** các ban ngành, đoàn thể của xã và **24** người dân (12 người của thôn Hà Úc 3, 12 người của thôn Hà Úc 4 (Đại diện hộ dân vùng nguy cơ cao, các hộ ở các ngành nghề khác nhau và đại diện đối tượng DBTT(1 hộ nghèo, 1 người khuyết tật thôn Hà Úc 3 và 1 người cao tuổi, 1 nữ đơn thân thôn Hà Úc 4) Đảm bảo có 50% nữ của các thôn

Lưu ý: Đại diện hộ dân là những người chưa tham gia các lần họp trước. Không mời lãnh đạo ban ngành, tổ chức đoàn thể mà chỉ mời cán bộ chuyên môn để hạn chế họ có thể gây ảnh hưởng đến người dân trong quá trình cho ý kiến tại cuộc họp.

13:30 - 17:00	Hội trường UBND xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày công cụ 6. - Xếp hạng các RRTT. - Kiểm chứng phân tích nguyên nhân RRTT ưu tiên - Xếp hạng các giải pháp - Kiểm chứng các hoạt động thực hiện giải pháp ưu tiên để đưa vào kế hoạch 	Nhóm đánh giá phân công người thực hiện các công cụ	<ul style="list-style-type: none"> - 6 cán bộ xã. - 24 đại diện hộ dân các xóm là những người chưa tham gia các cuộc họp lần nào trong đó có 4 đối tượng DBTT (ít nhất có 30% nữ) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng tổng hợp họp RRTT (công cụ 6) của xã được bổ sung. - Bảng tổng hợp xếp hạng RRTT của xã được hoàn thành - Bảng tổng hợp phân tích nguyên nhân của xã được hoàn thành - Bảng xếp hạng giải pháp của xã được hoàn thành - Bảng tổng hợp giải pháp PCTT (công cụ 9) được hoàn thành
---------------	--------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày thứ tư: 17 /07/2018 Nhóm Hỗ trợ KT tập trung tại UBND xã để viết báo cáo và lập kế hoạch PCTT

Thời gian	Địa điểm	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Thành phần tham gia	Kết quả mong đợi
- Sáng từ 7:00 - 11:30	Hội trường UBND xã	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bảng tổng hợp xếp hạng RRTT và giải pháp PCTT - Tổng hợp các bảng (Từ công cụ 1 đến công cụ 9) để đưa vào phụ lục - Tiếp tục hoàn thành dự thảo báo cáo đánh giá RRTT-DVCD, kế hoạch PCTT 	Trưởng nhóm HTKT phân công thành viên nhóm	Nhóm HTKT & nhóm CD	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các bảng biểu để đưa vào phụ lục báo cáo đánh giá RRTT-DVCD - Hoàn thành dự thảo báo cáo đánh giá RRTT-DVCD - Hoàn thành dự thảo kế hoạch PCTT chi tiết cấp xã.
Chiều 13:00-17:00	Hội trường UBND xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày dự thảo báo cáo đánh giá để góp ý bổ sung và phê duyệt của lãnh đạo xã. - Kế hoạch PCTT sẽ được thông qua ban chỉ huy PCTT của xã sau 	Trưởng nhóm HTKT	Đại diện lãnh đạo chính quyền, các ban ngành đoàn thể của xã	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá được bổ sung hoàn thiện và phê duyệt - Dự thảo kế hoạch PCTT được đóng góp ý kiến và bổ sung.

Phụ lục 3: Bộ công cụ đánh giá

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Xã Vinh An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Công cụ 2: Lịch sử thiên tai xã Vinh An

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại (ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
9/1999	Lụt	- Nước dâng cao, nước biển dâng ngập 30 ngày và xảy ra vào ban đêm; - Nước dâng đến nóc nhà (1,5-2m), khoảng 7-10 ngày.	Toàn xã, trong đó thiệt hại nặng tại vùng xung yếu: Thôn Hà Úc 1,2, 4	- Chết 1 người nam, bị thương 20 người 14 nam, 6 nữ - Nhà ngập lụt: 100% (vùng xung yếu);ngập sâu 1-1,5m510 hộ, ngập dưới 1m 630 hộ, - Đường sạt lở: 20 km;cầu hư hỏng 4 cái, - Đê đập vỡ: 90% (đê vỡ: 7,5km); - Thuyền bè: Hư hỏng máy 90 triệu; - Chợ: thiệt hại tài sản 250 triệu (100%); - Trồng trọt: thiệt hại 90%; - Gia súc, gia cầm: thiệt hại 5.000 con lợn; 10.000 con gà, vịt (60%);ước tính thiệt hại 250 tỷ VNĐ	- Lũ lụt đến bất ngờ, nhanh; - Truyền thanh chưa đảm bảo; thiếu thông tin; - Chủ quan của người dân; - Thường xảy ra vào ban đêm; - Nhà không kiên cố; - Phương tiện không đầy đủ.	- Kịp thời thông tin đến người dân; - Chủ động xây dựng kế hoạch phương án PCTT; - Xây dựng nhà kiên cố tránh lũ lụt; - Sơ tán người và vật nuôi đến khu vực cao hơn, an toàn hơn (trường học, nhà thờ, nhà dân kiên cố,...); - Nhận thông tin dự báo, cảnh báo lũ từ cán bộ xã.
10/2006	Bão cấp 10	- Gió lớn, mưa nhiều, triều cường dâng cao - Bão ngày càng mạnh, không theo quy luật, khó dự báo	- Toàn xã, tập trung chủ yếu ở vùng đầm phá: Thôn Hà Úc 1, 2, 4	- Nhà bị sập 5 nhà, nhà tốc mái 45 nhà, cây cối đổ gãy, hoa màu bị thiệt hại 25 ha, thủy sản 50 ha;rừng 30 ha, ghe thuyền bị lật, hư hỏng nặng; các phương tiện thông tin liên lạc bị hư hỏng; nuôi trồng thủy hải sản bị nước dâng cao làm tràn cua tôm cá ra khỏi hồ nuôi; gia súc, gia cầm chết hàng	- Bão đến bất ngờ, xảy ra ban đêm; - Sự chủ quan của người dân; - Bão xảy ra nhanh, mạnh; - Nhà cửa thiếu kiên cố; - Hệ thống loa truyền thanh thông báo còn thiếu, một số	- Tuyên truyền cho người dân về tác hại và cách phòng chống bão; - Thực hiện phương châm 5 tại chỗ (thêm quản lý tại chỗ); - Người dân chằng chống nhà cửa, thu hoạch vụ mùa

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại (ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
				loạt. -Mức độ thiệt hại trung bình (ước tính thiệt hại khoảng 40 tỷ đồng).	nơi nằm ở vùng thấp trũng; - Thiếu hệ thống kênh tưới tiêu; - Do chuyển đổi cây trồng chậm, chưa thích ứng với BĐKH; - Công tác di dời dân còn chậm, một số người dân không chấp hành; thiếu các công trình công cộng để tập dân về khu vực an toàn.	sớm; di chuyển người, động vật đến nơi an toàn khi biết bão đến.
9/2012 (số 6)	Bão	- Gió cấp 11, 12, giật cấp 13, 14; mưa to, nước biển dâng khoảng 1-1,5m.	Toàn xã, nặng nhất là thôn 1,2,3,4	- Tốc mái: 180-190 nhà; - Cây cối gãy đổ: 80%; - Hoa màu bị thiệt hại: 80%; - Gia súc gia cầm: 50%; - 2 người bị thương; - Đường sạt lở: 300m.	- Bão lớn; - Đường xá chưa kiên cố; - Hệ thống thông tin liên lạc có nhưng chưa đầy đủ; - Người dân chủ quan.	- Chằng chống nhà cửa; - Chuẩn bị lương thực thực phẩm; - Đưa dân đến nơi an toàn.
5,6/2000	Nhiễm mặn	- Từ năm 2001 đưa nước mặn vào nuôi tôm nên đồng ruộng bị nhiễm mặn từ ngày đó đến nay; - Nước mặn lấy từ phá Tam Giang	Từ thôn 1 đến thôn 4	- Thiệt hại đến ruộng lúa, hoa màu; - Diện tích nhiễm mặn: 50ha.	- Do đê ngăn mặn không đảm bảo; - Không có hệ thống kênh mương nội đồng.	- Đắp đê cao ngăn mặn.
11/2013	Nhiễm mặn	Mưa to, nước mặn dâng qua đập; nước lợ ở đầm phá tràn vào ruộng lúa	Đầm ruộng ở thôn Hà Úc 1, 2, 4	- Cây lúa chết, chậm phát triển, thiệt hại 1,5ha.	- Không có đập ngăn mặn, cống giữa khu nuôi trồng thủy sản nước lợ và vùng trồng lúa.	- Chuyển đổi cây trồng; - Khắc phục cống chặn đê ngăn mặn, giữ nước ngọt.

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại (ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
6/2013	Hạn hán	Kéo dài từ tháng 5 đến tháng 7; nhiệt độ từ 35 đến 40°C.	Nặng nhất là 3 thôn: Bắc Thương, Trung Đình Hải, An Mỹ	- Hoa màu: 70%; - Chăn nuôi: 30%; - NTTS: 50%; - Rừng phòng hộ: 40%.	- Do nắng nóng; - Thiếu nước sản xuất; - Dịch bệnh phát sinh.	- Đào ao hồ dự trữ; dự trữ bể chứa; - Làm mái che để chống nắng hạn.
5/2016	Hạn hán	- Nắng nóng kéo dài, khô hạn, nhiệt độ tăng cao duy trì từ 39 – 40 độ C; - Xu hướng tăng, không theo quy luật	Toàn xã, trong đó nặng nhất tại đồng Nãi, thôn Hà Úc 1, đồng Tầm thôn Hà Úc 3	- 4ha lúa bị cháy hoàn toàn; - 76ha các cánh đồng còn lại không sản xuất được lúa; - Khu nuôi trồng thủy sản thiệt hại 53,3ha; - 10ha cánh đồng bị nhiễm mặn, ước tính thiệt hại 2,5 tỷ đồng; - 0,8ha rừng phòng hộ ven biển bị cháy.	- Hệ thống thủy lợi không đảm bảo, không có hồ chứa nước, không có trạm bơm.	- Sau hạn hán, dự án Lucxambua hỗ trợ kênh dẫn nước
11/2016	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ thấp dưới 10 độ C; diễn ra không theo chu kỳ	Toàn xã, tập trung ở vùng trồng lúa và nuôi trồng thủy sản	- Chậm lịch thời vụ; - Cây trồng và tôm cá chết, chậm lớn; - Sức khỏe người già, trẻ em bị ảnh hưởng.	- Do nhiệt độ thấp; - Người dân không chủ động tuân theo thời vụ.	- Gieo sạ lại, thả giống lại; - Chăn chống chuồng trại.
10/2017	Lụt	Mưa to dài ngày, nước dâng cao	Các khu vực thấp nuôi trồng thủy sản	- Nuôi trồng thủy sản thiệt hại 53,3ha, ước thiệt hại trên 2 tỷ; - Hoa màu thiệt hại 1,5ha, thiệt hại khoảng 70 triệu đồng.	- Do chủ quan; - Không chịu thu hoạch sớm; - Không rào chắn ao nuôi.	- Chủ động thông báo khi có mưa lũ; - Hướng dẫn người dân rào chắn; - Thu hoạch sớm.

Công cụ 3: Lịch theo mùa xã Vinh An

Thiên tai	Tháng (Dương lịch)												Xu hướng của thiên tai	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		

Bão													Bão ngày càng mạnh, nhiều cơn bão hơn, không theo quy luật.		
Lụt													- Xuất hiện hàng năm, lượng nước và thời gian kéo dài hơn. - Lụt gần đây xảy ra ít hơn; lượng nước ít hơn, thường xảy ra trong khoảng 5 ngày.		
Hạn Hán													Tần suất nhiệt độ ngày càng tăng, kéo dài (tháng 6 có ngày 43°C)		
Rét hại													- Hàng năm rét kéo dài liên tục trong tháng (tháng 12 có ngày 13 °C); - Nhiệt độ thấp, nhiều đợt rét đậm rét hại kéo dài đến 15 ngày.		
Nhiễm mặn													- Độ nhiễm mặn ngày càng tăng, thời gian kéo dài, diện tích nhiễm mặn càng lớn; - Vùng ven đầm Thủy Tú nhiễm mặn khoảng 50ha.		
Hoạt động KT- XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai	Tại sao ? (đánh giá TTDBTT)	Kinh nghiệm PCTT (NLPCTT)
Dịch vụ thương mại (60%) thu nhập: Nam: 50% Nữ: 50%													- Bão làm sập đồ lều quán, hư hỏng hàng hóa, trì trệ, giảm sút tiêu thụ hàng hóa; diện tích lúa gieo xạ bị ngập khoảng 45ha; - Lụt làm trôi hàng hóa; - Hạn hán làm sức mua giảm	- Vật chất: Lều quán tạm bợ; thiếu vốn đầu tư, thiếu kho dự trữ hàng hóa; hàng hóa chưa đa dạng; - Tổ chức xã hội: Hỗ trợ PCTT chưa kịp thời; lực lượng tại chỗ yếu; đi làm ăn xa; - Ý thức: Còn chủ quan, ỷ lại; một số người dân mua nợ nên nợ đọng mất vốn kinh doanh.	- Thực hiện theo phương tram 4 tại chỗ; - Đào tạo nghề; - Tạo điều kiện để vay vốn; - Hỗ trợ mặt hàng để kinh doanh;
Trồng lúa 250 hộ (Nữ 60%)													- Bão ảnh hưởng 80,3ha lúa Đông Xuân; hè thu 3,5ha làm cây lúa đổ ngã, mất mùa. - Lụt: Gây ngập úng, chết cây, mất mùa, giảm năng suất. - Rét: Chết mạ; - Hạn hán: Làm lúa chết cháy; - Hạn hán, rét hại: không chủ động được nguồn nước sản xuất khoảng 5ha; diện tích đất bỏ hoang khoảng	- Vật chất: Diện tích lúa nằm ở vùng trũng, thiếu hệ thống kênh mương (làm bằng đất chưa kiên cố), diện tích manh mún. - Tổ chức xã hội: Chưa đầu tư cơ sở hạ tầng, chưa đầu tư vào thâm canh, sản xuất nhỏ lẻ, tự cung tự cấp; chưa có cơ sở cung cấp dịch vụ nông nghiệp; có tập huấn nhưng chưa thường xuyên cho các nhóm nhỏ; trình độ người dân còn hạn chế.	- Gieo trồng đúng lịch thời vụ; - Chọn giống lúa thích hợp với thời tiết; - Thu hoạch trước mùa mưa bão; - Người dân có kinh nghiệm chăm sóc cây trồng; - Cần có kênh mương thoát nước, ngăn mặn, giữ ngọt.

																		50ha.	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức: Chưa được tập huấn, sản xuất còn mang tính cổ truyền; - Hệ thống kênh mương chưa có; ruộng bậc thang nhỏ lẻ 	
Hoa màu 100 hộ (Nữ 60%)																		<ul style="list-style-type: none"> - Bao bị ảnh hưởng 70ha, làm hư hại gây mất mùa; - Lụt: Gây ngập úng, giảm năng suất; - Rét, hạn hán: Cây chết, kém phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vật chất: Tổng diện tích 200ha; diện tích manh mún, không tập trung; thiếu vốn đầu tư. - Tổ chức xã hội: Chưa đầu tư mang tính thâm canh; sản xuất nhỏ lẻ, chưa mang hiệu quả kinh tế cao; tự cung, tự cấp, chưa có đầu ra. - Ý thức: Sản xuất còn mang tính cổ truyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gieo trồng chưa mang tính thời gian nhất định; - Giống đa dạng, phù hợp với thời tiết và thổ nhưỡng.
Nông nghiệp, chăn nuôi 550 hộ (Nữ 80%)																		<ul style="list-style-type: none"> - Bao: Hư hỏng chuồng trại; tăng nguy cơ sâu bệnh; thiệt hại về con giống. - Lụt: Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh. - Rét, hạn hán: Thiếu thức ăn, dịch bệnh chết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vật chất: <ul style="list-style-type: none"> + Chuồng trại tạm bợ; + Nguồn thức ăn dự trữ không đảm bảo; thiếu vốn đầu tư; - Tổ chức xã hội: <ul style="list-style-type: none"> + Công tác tiêm phòng không đầy đủ (30%); + Chất lượng con giống chưa đảm bảo; + Thiếu vốn; nguồn ra không đảm bảo, giá cả không ổn định. - Ý thức: <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức của người dân còn hạn chế; + Chủ quan, y lại vì kinh nghiệm của dương gian; sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng 32 gia trại được đầu tư kiên cố; - Tổ chức tập huấn kỹ thuật thú y; - Tổ chức tiêm phòng 70%; - Chủ động tìm đầu ra; - Hỗ trợ con giống và vốn vay.

mộc, nghệ, mặc, chữa) 700 hộ (Nữ: 20%)															+ Công cụ, máy móc hư hỏng; + Nhà cửa, xí nghiệp bị tốc mái; + Các hoạt động kinh doanh bị đình trệ; - Hạn hán, rét làm trì trệ hoạt động.	+ Sản xuất nhỏ lẻ, manh mún.	mua máy móc, thiết bị.
----------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------	------------------------

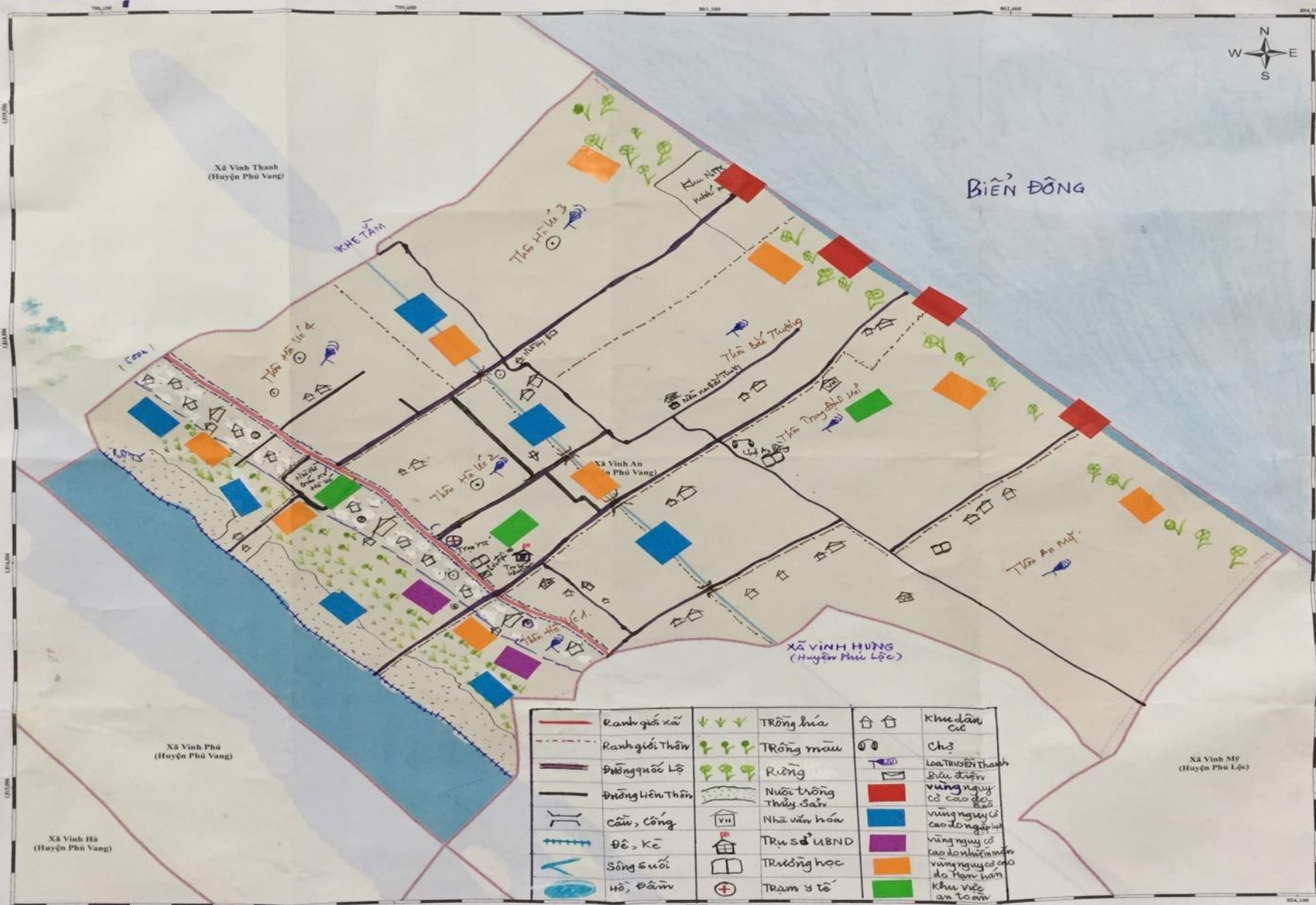
Phân tích giới xã Vinh An:

Vai trò của nam giới hay phụ nữ trong việc sản xuất kinh doanh/đảm bảo thu nhập của gia đình	Các khó khăn về công việc sản xuất kinh doanh của phụ nữ và nam giới trong mùa thiên tai	Ảnh hưởng đối với thu nhập của gia đình khi thiên tai xảy ra (theo cách phân chia công việc hiện tại)	Các thay đổi (nếu cần) về công việc để giảm thiểu thiệt hại về thu nhập gia đình	Nhu cầu hỗ trợ từ các tổ chức trong thôn, xã để ít bị ảnh hưởng hoặc có thể khôi phục nhanh sau thiên tai.
1	2	3	4	5
1. Trồng lúa, hoa màu - Làm đất: Nam: 5%; Nữ 15%; - Gieo sạ: Nam 90%; Nữ 10%; - Chăm sóc: Nam 60%; Nữ: 40% - Thu hoạch: Nam 40%; Nữ: 60%	- Nam: Thiếu phương tiện máy móc trang thiết bị; - Nữ: Phải nội trợ, chăm sóc con nên ít có thời gian cho sx nông nghiệp; - Ảnh hưởng ngập lụt đến tiền nhân công, giảm năng suất, có thể mất trắng, máy móc hư hỏng (nam, nữ)	- Nam: Tăng kinh phí sản xuất (công, giống, phân bón); - Nữ: Ảnh hưởng tới thu nhập vì nữ quản lý tiền.	- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; - Nạo vét kênh mương; đắp đê ngăn mặn.	- Hỗ trợ máy móc, trang thiết bị (máy cày, máy gặt, bình phun thuốc trừ bệnh,...); - Hỗ trợ tập huấn kỹ năng.

<p>2. Chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc: Nam: 30%; nữ 70%; - Gia cầm: Nam 10%; nữ 90% 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh, chuồng trại, thức ăn (không chủ động được thức ăn trong mùa mưa bão); - Hạn hán làm thiếu nước; - Rét làm gia súc gia cầm dễ bị chết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mua giống, thức ăn, tiêm phòng dịch bệnh -> tăng chi phí, thiệt hại kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại được xây dựng đúng kỹ thuật; - Dự trữ thức ăn; - Phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng; - Cân chất lượng con giống đảm bảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại; - Hỗ trợ tập huấn; - Hỗ trợ con giống.
<p>3. Thủy sản, đánh bắt</p> <p>* NTTS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăm sóc: nam 90%; nữ 10%; - Thu hoạch: nam 80%; nữ: 20%; - Tiêu thụ: nam 70%; nữ 30% <p>* Đánh bắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác: nam: 90%; nữ: 10%; - Tiêu thụ: nam 10%; nữ: 90%. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nam: Ảnh hưởng về ngư lưới cụ; - Nữ: thương lái ép giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Nữ: Tăng chi phí sản xuất; - Thu nhập của hộ gia đình giảm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc con giống phải đảm bảo; - Dự trữ thức ăn; - Cải tạo đúng kỹ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn khoa học kỹ thuật; - Hỗ trợ con giống; - Hỗ trợ các loại thuốc có chất lượng
<p>4. Dịch vụ thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận tải: nam: 90%; nữ: 10%; - Buôn bán: nam 40%; nữ: 60%; - Ăn uống: nam 40%; nữ 60% 	<ul style="list-style-type: none"> - Nam: Đường bị sạt lở, cây cối ngã đổ, giao thông đi lại khó khăn. - Nữ: Lều quán bị sụp đổ, hoạt động kinh doanh bị đình trệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thu nhập, thiệt hại về kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp giao thông; - Sửa chữa lều quán; đa dạng hóa các mặt hàng theo nhu cầu của bà con 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ nguồn vốn đầu tư, xe giao thông đi lại; - Hỗ trợ kỹ năng bán hàng.
<p>5. Tiểu thủ công nghiệp (xây dựng, may mặc, mộc, nề,...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng: Nam 70%; nữ 30%; - May mặc: nam: 20%; nữ 80%; - Mộc: nam 80%; nữ 20% 	<ul style="list-style-type: none"> - Nam: ngưng trệ các hoạt động; - Nữ: Máy móc hư hỏng 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thu nhập, thiệt hại về kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ hợp tác, mộc, mỹ nghệ, dân dụng; - Nâng cấp, mở rộng các cơ sở may mặc 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ vốn để mua máy móc hiện đại; - Tập huấn hỗ trợ kinh phí, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

Công cụ 4 : Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai xã Vinh An

SƠ HỌA BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI TẠI XÃ VINH AN PHÚ VANG, TỈNH HUẾ



Bản đồ được cung cấp bởi: Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai (www.dmptc.gov.vn)



Bảng 4 : Tổng hợp thông tin công cụ sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai xã Vinh An

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
<p>- Bão; - Lụt</p>	<p>-Bão ngày càng mạnh, nhiều cơn bão hơn, không theo quy luật. -Lụt xuất hiện hàng năm, lượng nước và thời gian kéo dài hơn</p>	<p>1.An toàn cộng đồng a Vật chất: - Sống vùng có nguy cơ cao: 111 người/3 vùng; - Nhà không kiên cố: 17 nhà; - Người làm việc ở nơi nguy hiểm: 210 người (đánh bắt, nuôi trồng thủy sản). - 01 nhà văn hóa thôn chưa kiên cố và 04 thôn chưa có nhà văn hóa để sinh hoạt cộng đồng; - 01 chợ không kiên cố; - 20km đường liên thôn chưa được bê tông hóa và 06 cầu chưa được kiên cố; - 45km tuyến đường liên thôn, xóm chưa được bắt điện chiếu sáng công cộng; - Phương tiện cứu hộ, cứu nạn trang bị chưa đầy đủ; - Có 06 cụm loa bị hư hỏng, còn 07 cụm còn thiếu chưa được lắp đặt; - Hệ thống đê 9km không đảm bảo an toàn (bằng đất). *Tổ chức xã hội - Thành viên BCH PCTT xã chưa được tập huấn kỹ năng cứu nạn đầy đủ; - Chưa có diễn tập PCTT trong 10 năm qua; - Công tác phối kết hợp giữa các ban ngành, đoàn thể thiếu kịp thời, chưa chủ động; - Các tổ xung kích PCTT ở thôn chưa được tập huấn kỹ năng và trang thiết bị chưa được cấp đầy đủ, đảm bảo để PCTT; - Công tác tuyên truyền thiếu thường xuyên, chủ yếu tập trung ở các thôn trưởng khi có bão lụt xảy</p>	<p>1.An toàn cộng đồng a Vật chất: - Nhà kiên cố: + Trường Mầm non, tiểu học, THCS kiên cố có thể sơ tán được khi có bão lụt xảy ra; + Có trụ sở UBND xã, 02 nhà văn hóa thôn Trung Định Hải và Bắc Chương kiên cố có thể sơ tán được khi có bão, lụt xảy ra; + Có 01 chợ kiên cố; + Có 01 trạm y tế kiên cố. - Các trục đường chính, đường liên thôn được bê tông hóa và trải nhựa; - Có mạng điện lưới phủ khắp địa bàn toàn xã và các tuyến đường liên thôn, xóm. - Toàn xã có 280ha rừng, trong đó rừng phòng hộ là 180ha, còn lại là rừng sản xuất. - Khi có bão, lụt xảy ra thì huy động phương tiện trong dân. - Có hệ thống truyền thanh không dây trên toàn xã. - Có loa cầm tay ở các thôn để cảnh báo. - Đầm Thủy Tú có diện tích 115ha do chi hội nghề cá quản lý. *Tổ chức xã hội - Kịch bản BCH PCTT hàng năm có 25 người (02 nữ, 23 nam);</p>	<p>1.An toàn cộng đồng a Vật chất: - Nguy cơ người chết và người bị thương; - Nhà ở bị sập, tốc mái, hư hỏng; - Nhà văn hóa bị sập đổ không an toàn cho sinh hoạt cộng đồng; - Chợ bị sập, không an toàn cho các hộ tiểu thương buôn bán; - 20km đường bị sạt lở, 06 cầu bị hư hỏng không đảm bảo an toàn cho người dân; - Hệ thống truyền thanh bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo, cảnh báo; - Nguy cơ bị vỡ đê khi có bão từ cấp 10 trở lên.</p>

		<p>ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc triển khai kế hoạch PCTT hàng năm của thôn và trường chưa được triển khai rộng rãi; - Trang thiết bị để phục vụ trong PCTT của các nhóm trồng rừng, các hộ trồng rừng trang bị chưa đầy đủ. <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân có tư tưởng chủ quan, ỷ lại trong PCTT; - Ý thức chấp hành lệnh sơ tán của người dân còn thấp; - Hiểu biết của người dân về PCTT còn thấp, kinh nghiệm PCTT còn thiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch PCTT, phương án di dời khi có lụt bão xảy ra; - Có phân công các đoàn thể tham gia phối hợp trong PCTT; - Có 05 cán bộ tham gia tập huấn về công tác PCTT; - Có 07 tổ xung kích ở 7 thôn và 01 hội chữ thập đỏ xã; có 64 người trong tổ xung kích (không có nữ). Hội chữ thập đỏ xã có 15 thành viên (4 nữ, 11 nam). Có sự tham gia của lực lượng dân quân, công an viên, biên phòng; - Có 8 tuyên truyền viên; - UBND xã xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm; - 07 thôn và 04 trường học xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm; Có 06 nhóm trồng rừng sản xuất/52 người (không có nữ). Rừng phòng hộ có 85ha trong đó có 3 tổ PCTT. <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm trong PCTT và ứng phó, khắc phục thiên tai; - Có ý thức đóng góp vật tư, nhân lực trong công tác PCTT; - Mọi người dân đều tham gia công tác PCTT, trong đó nam đóng vai trò chính còn nữ là bộ phận hậu cần. 	
		<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>a. Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế thiếu trang thiết bị để khám chữa bệnh; - Chưa có hệ thống nước sạch, chủ yếu sử dụng nước giếng; - Tỷ lệ thu gom rác thải chưa đạt yêu cầu 35%; - Một số hộ dân chưa có nhà vệ sinh 20%; 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>a. Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trạm y tế kiên cố để đi khám sức khỏe cho người dân; - Có 100% người dân có BHYT; - Có đội thu gom rác thải đạt 65%; - Có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại đạt 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai xảy ra; - Nguy cơ dịch bệnh sau thiên tai; dịch tả, sốt xuất

		<ul style="list-style-type: none"> - Các điểm sơ tán chưa có nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ; - Chưa có điểm thu gom chai, bao bì thuốc thực vật; - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh; - Nghĩa trang chưa được quản lý; - Cơ sở vật chất thuốc men lương thực dự trữ thiếu; chưa chủ động, chưa có thùng rác, thiếu phương tiện thu gom. <p>b. Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế thực hiện chưa nghiêm minh; - Năng lực của cán bộ y tế cộng đồng còn hạn chế; - Công tác tuyên truyền còn hạn chế; - Nhân viên thú y còn thiếu, hoạt động hạn chế. <p>c. Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân không đi khám định kỳ, mua thuốc không theo đơn của bác sỹ; - Đa số người dân chưa có kiến thức sơ cấp cứu ban đầu; - Một số hộ dân còn vứt rác bừa bãi vô ý thức; - Đa số người dân chưa quan tâm đến hạn sử dụng của các loại thực phẩm. 	<p>80%;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy hoạch khu nghĩa trang; - Có hợp đồng về lương thực trước mùa thiên tai. <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy chế xử phạt vệ sinh môi trường; - Có mạng lưới y tế cộng đồng 7/7 tuần; - Tiêm phòng cho phụ nữ có thai và trẻ em đạt 100%. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết về chăm sóc sức khỏe; - Có một số hộ dân đi khám định kỳ; - Có dự trữ lương thực, nước uống. 	<p>huyết; mắt đỏ; tay chân miệng.</p>
Hạn hán	<p>Tần suất nhiệt độ ngày càng tăng, kéo dài (tháng 6 có ngày 43°C)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 80,3ha lúa bị thiếu nước tưới; - 302ha hoa màu bị thiếu nước tưới; - 10,9km kênh mương chưa đảm bảo phục vụ tưới tiêu; - 280ha rừng có nguy cơ xảy ra cháy rừng; - 103,3ha diện tích nuôi trồng thủy sản có nguy cơ bị dịch bệnh; 5,5ha sen có nguy cơ bị thiếu nước; - 6.675 con gia súc, gia cầm có nguy cơ bị dịch bệnh (gia trại: 3.000 con; phân tá: 3.675 con). 	<ul style="list-style-type: none"> - 0,83km hệ thống kênh mương đảm bảo tưới tiêu; - Có thành lập 3 tổ phòng cháy, chữa cháy rừng; - Hàng năm, có kế hoạch dọn vệ sinh lớp thực bì tại rừng với số lượng tham gia mỗi năm trên 200 lượt người; - Đã tổ chức tiêm phòng trên 70% đàn gia súc, gia cầm. 	
Rét hại	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm rét kéo dài liên tục 	<ul style="list-style-type: none"> - Người già, trẻ em có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã thông báo tình hình rét đậm, rét hại tới người dân khi xảy ra; 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa và hoa màu giảm năng suất;

	trong tháng (tháng 12 có ngày 13 °C); - Nhiệt độ thấp, nhiều đợt rét đậm rét hại kéo dài đến 15 ngày.	- 80,3ha lúa giống bị chậm phát triển; - 302ha hoa màu bị chậm phát triển, không áp dụng khoa học kỹ thuật; - 103,3ha diện tích NTTS chậm phát triển; - 6.675 con gia súc, gia cầm bị dịch bệnh, chết.	- Các chuồng trại che chắn kín, đảm bảo chống rét một phần; - Người dân có các biện pháp chủ động chống rét đối với gia súc, gia cầm, khu NTTS như: che chắn, chuẩn bị thức ăn đầy đủ, nâng cao mực nước tại các hồ NTTS để giữ ấm.	- Gia súc, gia cầm chết, bị dịch bệnh; - NTTS giảm năng suất, chậm phát triển; - Người già, trẻ em có nguy cơ mắc bệnh cao và chết.
Nhiễm mặn	Độ nhiễm mặn ngày càng tăng, thời gian kéo dài, diện tích nhiễm mặn càng lớn;	- 25ha lúa có nguy cơ bị nhiễm mặn do chưa có đê ngăn mặn, gần khu NTTS và đầm phá.	- Hàng năm hỗ trợ vấn đề thau chua rửa mặn, tuy nhiên hiệu quả đem lại chưa cao.	- Đất bị bỏ hoang do nhiễm mặn.

Công cụ 5: Điểm mạnh, điểm yếu trong công tác phòng chống thiên tai xã Vinh An

STT	Hạng mục	Điểm mạnh	Điểm yếu
1	Năng lực bộ máy PCTT xã Vinh An	- Có tính chuyên nghiệp; - Có tinh thần trách nhiệm; - Có phân công trách nhiệm; - BCH có quy chế, kế hoạch hoạt động; - Hàng năm kiện toàn BCH; - Trục ban PCTT trong mùa mưa lũ/Tổ PCTT cấp thôn 15 người (Thôn Hà Úc 1,2)	- Kiêm nhiệm, chưa đào tạo; chưa chuyên nghiệp, chưa đủ cán bộ; - Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu; - Trang thiết bị PCCC còn thiếu; - Lực lượng xung kích phân tán huy động không kịp thời.
2	Hệ thống thông tin cảnh báo sớm	- Có hệ thống thông tin tuyên truyền cảnh báo hoạt động (hệ thống truyền thanh xã); - Có kế hoạch tuyên truyền hàng năm; - Các thôn đều có loa tay; - Người dân thường xuyên nghe tin dự báo, cảnh báo thời tiết; 95% người dân có tivi (Thôn Hà Úc 1,2); - Có tin nhắn SMS cảnh báo thiên tai của nhà mạng Viettel (Thôn Hà Úc 1,2)	- Hệ thống truyền thanh xuống cấp; - 7 thôn chỉ có 3 loa cầm tay (4 thôn chưa có loa cầm tay gồm: Hà Úc 2, Bắc Thượng, Trung Đình Hải, A Nỹ). - Thiếu hệ thống cảnh báo sớm.

3	Công trình PCTT	<ul style="list-style-type: none"> - Các thôn đều có nhà ở kiên cố để sơ tán ẩn núp khi có thiên tai xảy ra (nhà dân); - Trụ sở UBND, trường học kiên cố để làm nơi trú tránh an toàn; - Thôn Hà Úc 2 có chỗ neo đậu tàu thuyền; - Các tuyến đường QL49B, đường liên thôn An Bằng - Hà Úc đảm bảo lưu thông tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà tạm của dân đơn sơ và bán kiên cố khoảng 20%; - Nhà văn hóa thôn còn thiếu 6/7; - Không có khu neo đậu (Hà Úc 1), đê điều chưa đảm bảo (9km đê đất); - Chưa có trạm quan trắc; - Chưa có đê ngăn mặn cách ly giữa nông nghiệp và thủy sản; - Không có hồ chứa nước chống hạn; - Hà Úc 1: 3km đường bê tông xuống cấp; 700m đường cấp phối bị xuống cấp; 02 cầu bị xuống cấp (01 cầu từ thôn 2 đi thôn 1, 01 cầu từ Hà Úc 1 đi An Bằng) - Hà Úc 2: 5km đường xuống cấp (2km đường bê tông; 3km đường cấp phối, đường đất); 03 cầu xuống cấp (01 cầu gần nhà hộ sinh; 01 cầu gần nhà ông Lộc; 01 cầu gần nhà ông Hệ); 01 đập tràn xuống cấp gây chia cắt Hà Úc 2 và Hà Úc 3.
4	Phương châm 5 tại chỗ (ngoài 4 tại chỗ, thêm quản lý tại chỗ)	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm sơ tổng kết kế hoạch; - Kiên toàn lực lượng thường xuyên; - Chuẩn bị tốt lương thực thực phẩm phục vụ công tác PCTT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn lúng túng khi thực hiện kế hoạch; - Năng lực của một số lực lượng còn yếu chưa đáp ứng với kế hoạch đề ra. - Tuy có chuẩn bị lương thực nhưng chưa đáp ứng đầy đủ; - Hà Úc 1: Thiếu 20 cái áo phao cho ngư dân sông đầm; thiếu radio sử dụng khi mất điện; thiếu đèn pin chiếu sáng.
5	Nhận thức, kinh nghiệm, ý thức chấp hành của người dân	<ul style="list-style-type: none"> - Có kinh nghiệm phòng chống lụt bão; chủ động PCTT, chủ động chằng chống nhà cửa; chủ động lương thực thực phẩm cho người và vật nuôi trước mùa mưa bão; - 90% người dân có hệ thống nghe nhìn (tivi, điện thoại); - Có ý thức đóng góp, hỗ trợ về vật chất cho người dân khi có sự cố xảy ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của người dân chưa cao, có tính chủ quan, còn y lại (chặt tía cành cây, chằng chống nhà cửa); - Một số người dân không chấp hành lệnh sơ tán; - Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu không đảm bảo; - Chưa chủ động tích trữ nước cho sản xuất (hạn hán); phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên; - Chưa được tập huấn thường xuyên về PCTT; chỉ có 30% người dân 2 thôn biết bơi (dân biển và ven phá).

Công cụ 6 : Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai xã Vinh An

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
<p>- Bão; - Lụt</p>	<p>-Bão ngày càng mạnh, nhiều cơn bão hơn, không theo quy luật. -Lụt xuất hiện hàng năm, lượng nước và thời gian kéo dài hơn</p>	<p>1. An toàn cộng đồng a. Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã có 3 vùng nguy cơ cao (Hà Úc 1, 2 và 4) với số người là 111 người; - Về nhà ở: Toàn xã có khoảng 20% nhà đơn sơ và bán kiên cố, trong đó có 17 nhà không kiên cố. - Về đường giao thông: có 20 km đường liên thôn chưa được bê tông hóa và 06 cầu chưa được kiên cố; 45 km tuyến đường liên thôn, xóm chưa được bắt điện chiếu sáng công cộng; - Hà Úc 1: 3km đường bê tông xuống cấp; 700m đường cấp phối bị xuống cấp; 02 cầu bị xuống cấp (01 cầu từ thôn 2 đi thôn 1, 01 cầu từ Hà Úc 1 đi An Bằng) - Hà Úc 2: 5km đường xuống cấp (2km đường bê tông; 3km đường cấp phối, đường đất); 03 cầu xuống cấp (01 cầu gần nhà hộ sinh; 01 cầu gần nhà ông Lộc; 01 cầu gần nhà ông Hệ); 01 đập tràn xuống cấp gây chia cắt Hà Úc 2 và Hà Úc 3. - Về thủy lợi, đê điều: Có 9 km bằng đất, không đảm bảo an toàn; chưa có đê ngăn mặn cách ly giữa nông nghiệp và thủy sản; không có hồ chứa nước tưới tiêu và chống hạn; - Về công trình văn hóa: Có 07 thôn trong đó có 3 thôn có nhà văn hóa là thôn Hà Úc 1, Bắc Thượng (chưa kiên cố), Trung Đình Hải và 04 thôn chưa có nhà văn hóa để sinh hoạt cộng đồng là Hà Úc 2, 3, 4, An Mỹ; - Về thông tin liên lạc, cảnh báo sớm: Chưa có 	<p>1. An toàn cộng đồng a Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà cửa kiên cố: + Các thôn đều có nhà ở kiên cố để sơ tán ẩn núp khi có thiên tai xảy ra (nhà dân); + Trụ sở UBND, trường Mầm non, tiểu học, THCS, 02 nhà văn hóa thôn Trung Đình Hải và Bắc Chương là những công trình kiên cố có thể sơ tán được khi có bão lụt xảy ra; + Ngoài ra còn có: 01 trạm y tế và 01 chợ kiên cố; - Về giao thông: + Các trục đường chính, đường liên thôn được bê tông hóa và trải nhựa; + Các tuyến đường QL49B, đường liên thôn An Bằng - Hà Úc đảm bảo lưu thông tốt. - Về thông tin liên lạc: + Hàng năm, xã có kế hoạch tuyên truyền PCTT đến người dân trên hệ thống truyền thanh không dây; bên cạnh đó các thôn đều có loa tay; - Khi thiên tai xảy ra thì người dân còn nhận được tin nhắn SMS cảnh báo thiên tai của nhà mạng Viettel (Thôn Hà Úc 1,2) + 95% người dân có tivi (Thôn Hà Úc 1,2); người dân thường xuyên nghe tin dự báo, cảnh báo thiên tai; - Về nơi trú tránh tàu thuyền: Toàn xã 	<p>1. An toàn cộng đồng a Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ người chết và người bị thương; - Nhà ở bị sập, tóc mái, hư hỏng; - Nhà văn hóa bị sập đổ không an toàn cho sinh hoạt cộng đồng; - Chợ bị sập, không an toàn cho các hộ tiểu thương buôn bán; - 20km đường bị sạt lở, 06 cầu bị hư hỏng không đảm bảo an toàn cho người dân; - Hệ thống truyền thanh bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo, cảnh báo; - Nguy cơ bị vỡ đê khi có bão từ cấp 10 trở lên.

		<p>hệ thống cảnh báo sớm; hệ thống truyền thanh xuống cấp, 6 cụm loa bị hư hỏng, còn 01 cụm chưa được lắp đặt; có 3 thôn có loa cầm tay là Hà Úc 1, 3, 4 còn 4 thôn chưa có loa cầm tay gồm: Hà Úc 2, Bắc Thượng, Trung Đình Hải, An Mỹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chợ: có 01 chợ trong quy hoạch nhưng không kiên cố (Chợ...), 01 chợ tạm bợ.... - Về NTTS: Có 210 người làm đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên phương tiện cứu hộ, cứu nạn chưa được trang bị đầy đủ; thôn Hà Úc 1 không có khu neo đậu tàu thuyền; <p>b, Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên BCH PCTT xã còn thiếu và kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau của xã; chưa đào tạo chính quy, chuyên nghiệp; chưa được tập huấn kỹ năng cứu hộ cứu nạn đầy đủ; chưa có diễn tập PCTT trong 10 năm qua; - Lực lượng xung kích phân tán huy động không kịp thời. - Các tổ xung kích PCTT ở các thôn chưa được tập huấn kỹ năng và trang thiết bị chưa được cấp đầy đủ, đảm bảo để PCTT; - Năng lực của một số lực lượng còn yếu chưa đáp ứng với kế hoạch đề ra; còn lúng túng khi thực hiện kế hoạch. - Việc triển khai kế hoạch PCTT hàng năm của thôn và trường chưa được triển khai rộng rãi; - Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, PCCC còn thiếu, đặc biệt là trang thiết bị để phục vụ trong PCTT của các nhóm trồng rừng, các hộ trồng rừng trang bị chưa đầy đủ. - Công tác phối kết hợp giữa các ban ngành, đoàn thể thiếu kịp thời, chưa chủ động; - Công tác tuyên truyền thiếu thường xuyên, 	<p>có thôn Hà Úc 2 có chỗ neo đậu tàu thuyền (sức chứa ?tàu thuyền; công suất tối đa?)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có mạng điện lưới phủ khắp địa bàn toàn xã và các tuyến đường liên thôn, xóm. <p>b, Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm, UBND xã rà soát, xây dựng kế hoạch PCTT, phương án di dời khi có lụt bão xảy ra; - 07 thôn và 04 trường học xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm; - Kiên toàn BCH PCTT xã hàng năm có 25 người (02 nữ, 23 nam); các thành viên trong BCH có tính chuyên nghiệp; có tinh thần trách nhiệm và có phân công trách nhiệm rõ ràng; - BCH có quy chế, kế hoạch hoạt động; có phân công các đoàn thể tham gia phối hợp trong PCTT; - Có 07 tổ xung kích ở 7 thôn và 01 hội chữ thập đỏ xã; có 64 người trong tổ xung kích (không có nữ). Hội chữ thập đỏ xã có 15 thành viên (4 nữ, 11 nam). Có sự tham gia của lực lượng dân quân, công an viên, biên phòng; - Có 05 cán bộ tham gia tập huấn về công tác PCTT và có 8 tuyên truyền viên; - Có 06 nhóm trồng rừng sản xuất/52 người (không có nữ). Rừng phòng hộ có 85ha trong đó có 3 tổ PCTT. - Đến mùa bão lũ thì xã tổ chức trực ban PCTT; Tổ PCTT cấp thôn có 15 người (Thôn Hà Úc 1,2); 	
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

		<p>chủ yếu tập trung ở các thôn trường khi có bão lụt xảy ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi bão lũ xảy ra, tuy có chuẩn bị lương thực nhưng chưa đáp ứng đầy đủ; - Tại thôn Hà Úc 1: Thiếu 20 cái áo phao cho ngư dân sông đầm; thiếu radio sử dụng khi mất điện; thiếu đèn pin chiếu sáng. <p>C, Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức, hiểu biết của người dân về PCTT còn hạn chế, kinh nghiệm PCTT còn thiếu. - Một số bộ phận người dân chưa chấp hành lệnh sơ tán khi lệnh sơ tán của chính quyền; - Một số bộ phận người dân còn có tư tưởng chủ quan, ý lại trong PCTT (chặt tĩa cành cây, chằng chống nhà cửa); - Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ PCTT còn thiếu, không đảm bảo; - Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên; hưa chủ động tích trữ nước cho sản xuất (hạn hán); - Chưa được tập huấn thường xuyên về PCTT; chỉ có 30% người dân 2 thôn biết bơi (dân biển và ven phá). 	<ul style="list-style-type: none"> - Khi có bão, lụt xảy ra thì chính quyền có thể huy động phương tiện, vật tư trong dân; chuẩn bị tốt lương thực thực phẩm phục vụ công tác PCTT. <p>C, Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm trong PCTT và ứng phó, khắc phục thiên tai; chủ động PCTT, chủ động chằng chống nhà cửa; chủ động lương thực thực phẩm cho người và vật nuôi trước mùa mưa bão; - Có ý thức đóng góp vật tư, nhân lực trong công tác PCTT; - Mọi người dân đều tham gia công tác PCTT, trong đó nam đóng vai trò chính còn nữ là bộ phận hậu cần. - 95% người dân có hệ thống nghe nhìn (tivi, điện thoại); 	
		<p>2. Sản xuất kinh doanh</p> <p>a. Vật chất</p> <p>Xã Vinh An có ngành nghề sản xuất chính là dịch vụ thương mại chiếm 60% thu nhập còn lại là các ngành nghề khác, trong đó: ngành tiểu thủ công nghiệp chiếm 20% thu nhập bị ảnh hưởng của thiên tai ở mức trung bình; ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20% thu nhập bị ảnh hưởng thiên tai ở mức độ rủi ro cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề dịch vụ thương mại: Đa số các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, tỷ lệ nam nữ kinh doanh là 50/50; 	<p>2. Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề dịch vụ thương mại: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ; + Đào tạo nghề; + Tạo điều kiện để vay vốn; + Hỗ trợ mặt hàng để kinh doanh; - Nghề trồng lúa: <ul style="list-style-type: none"> + Gieo trồng đúng lịch thời vụ; + Chọn giống lúa thích hợp với thời tiết; + Thu hoạch trước mùa mưa bão; 	<p>2. Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề dịch vụ thương mại: <ul style="list-style-type: none"> + Bão làm sập đồ lều quán, hư hỏng hàng hóa, trì trệ, giảm sút tiêu thụ hàng hóa; diện tích lúa gieo xạ bị ngập khoảng 45ha; + Lụt làm trôi hàng hóa;

		<p>lều quán tạm bợ; thiếu vốn đầu tư, thiếu kho dự trữ hàng hóa; hàng hóa chưa đa dạng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề trồng lúa, toàn xã có 250 hộ trong đó nữ chiếm 60%; khu vực canh tác nằm ở vùng địa hình bậc thang, không bằng phẳng, diện tích anh mún; không có hồ chứa thủy lợi; hệ thống kênh mương nội đồng nhiều năm nay vẫn bằng đất, chưa được kiên cố hóa. - Nghề trồng hoa màu, có 100 hộ, trong đó nữ chiếm 60%; tổng diện tích 200ha; khu vực diện tích canh tác manh mún, không tập trung; thiếu vốn đầu tư. - Nghề chăn nuôi: <ul style="list-style-type: none"> + Chuồng trại tạm bợ; + Nguồn thức ăn dự trữ không đảm bảo; thiếu vốn đầu tư; - Nghề NTTS: <ul style="list-style-type: none"> + Đê bao chưa kiên cố; + Lán trại chưa kiên cố; + Thiếu vốn đầu tư; - Nghề đánh bắt thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Có 2 tàu và 47 ghe; + Tàu thuyền nhỏ, thiếu ngư lưới cụ; chỉ đánh bắt gần bờ; + Chưa có nơi neo đậu; + Thiếu trang thiết bị thông tin liên lạc khi có bão xảy ra. - Nghề tiểu thủ công nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở vật chất còn tạm bợ, chưa kiên cố; + Sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. <p>b. Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề dịch vụ thương mại: Hỗ trợ PCTT chưa kịp thời; lực lượng tại chỗ yếu; đi làm ăn xa; - Nghề trồng lúa: Chưa đầu tư cơ sở hạ tầng, chưa đầu tư vào thâm canh, sản xuất nhỏ lẻ, tự 	<ul style="list-style-type: none"> + Người dân có kinh nghiệm chăm sóc cây trồng; + Cần có kênh mương thoát nước, ngăn mặn, giữ ngọt. - Nghề trồng hoa màu: <ul style="list-style-type: none"> + Gieo trồng chưa mang tính thời gian nhất định; + Giống đa dạng, phù hợp với thời tiết và thổ nhưỡng. - Nghề chăn nuôi: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng 32 gia trại được đầu tư kiên cố; + Tổ chức tập huấn kỹ thuật thú y; + Tổ chức tiêm phòng 70%; + Chủ động tìm đầu ra; + Hỗ trợ con giống và vốn vay. - Nghề NTTS: <ul style="list-style-type: none"> + Có kinh nghiệm và kỹ thuật trong nuôi trồng; + Tổ chức nuôi trồng tập trung. - Nghề đánh bắt thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Có kinh nghiệm lâu đời trong đánh bắt; + Có hỗ trợ vốn vay đóng mới, cải hoán tàu thuyền, ngư lưới cụ. - Nghề tiểu thủ công nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> + Có kinh nghiệm sản xuất, có tay nghề; + Có hỗ trợ vay vốn để mua máy móc, thiết bị. 	<ul style="list-style-type: none"> + Hạn hán làm sức mua giảm - Nghề trồng lúa: <ul style="list-style-type: none"> + Bão ảnh hưởng 80,3ha lúa Đông Xuân; hè thu 3,5ha làm cây lúa đổ ngã, mất mùa. + Lụt: Gây ngập úng, chết cây, mất mùa, giảm năng suất. + Rét: Chết mạ; + Hạn hán: Làm lúa chết cháy; + Hạn hán, rét hại: không chủ động được nguồn nước sản xuất khoảng 5ha; diện tích đất bỏ hoang khoảng 50ha. - Nghề trồng hoa màu: <ul style="list-style-type: none"> + Bão bị ảnh hưởng 70ha, làm hư hại gây mất mùa; + Lụt: Gây ngập úng, giảm năng suất; + Rét, hạn hán: Cây chết, kém phát triển. - Nghề chăn nuôi: <ul style="list-style-type: none"> + Bão: Hư hỏng chuồng trại; tăng nguy cơ sâu bệnh; thiệt hại về con giống. + Lụt: Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh. + Rét, hạn hán: Thiếu
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>cung tự cấp; chưa có cơ sở cung cấp dịch vụ nông nghiệp; có tập huấn nhưng chưa thường xuyên cho các nhóm nhỏ; trình độ người dân còn hạn chế.</p> <p>- Nghề trồng hoa màu: Chưa đầu tư mang tính thâm canh; sản xuất nhỏ lẻ, chưa mang hiệu quả kinh tế cao; tự cung, tự cấp, chưa có đầu ra.</p> <p>- Nghề chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công tác tiêm phòng không đầy đủ (30%); + Chất lượng con giống chưa đảm bảo; + Thiếu vốn; nguồn ra không đảm bảo, giá cả không ổn định. <p>- Nghề NTTS:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức nuôi trồng chưa cao; + Công tác phòng chống dịch bệnh tuy có nhưng chưa đáp ứng đúng với tình hình; + Con giống chưa rõ nguồn gốc; + Hệ thống điện 3 pha chưa có; + Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật; + Đầu ra không ổn định. <p>c. Nhận thức kinh nghiệm</p> <p>- Nghề dịch vụ thương mại: Còn chủ quan, ý lại; một số người dân mua nợ nên nợ đọng mất vốn kinh doanh.</p> <p>- Nghề trồng lúa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chưa được tập huấn, sản xuất còn mang tính cổ truyền; + Hệ thống kênh mương chưa có; ruộng bậc thang nhỏ lẻ. <p>- Nghề trồng hoa màu: Sản xuất còn mang tính cổ truyền.</p> <p>- Nghề chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức của người dân còn hạn chế; 		<p>thức ăn, dịch bệnh chết.</p> <p>- Nghề NTTS:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bão, lụt: Hư hỏng hệ thống đê điều, phương tiện, máy móc, lán trại,...; thất thoát con giống, dịch bệnh; + Rét, hạn hán: Con giống chậm phát triển, dịch bệnh. <p>- Nghề đánh bắt thủy sản: Bão gây nguy hiểm cho tàu thuyền hoạt động; gây thiệt hại tính mạng con người, tàu thuyền, ngư lưới cụ; giảm sản lượng đánh bắt.</p> <p>- Nghề tiểu thủ công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bão lụt làm thời gian không đi làm được; công cụ, máy móc hư hỏng; nhà cửa, xí nghiệp bị tốc mái; các hoạt động kinh doanh bị đình trệ; + Hạn hán, rét làm trì trệ hoạt động.
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<ul style="list-style-type: none"> + Chủ quan, ý lại vì kinh nghiệm của dương gian; sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; + Chưa xử lý vì môi trường, chưa có hầm biogas. 		
		<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>a. Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế thiếu trang thiết bị để khám chữa bệnh; - Chưa có hệ thống nước sạch, chủ yếu sử dụng nước giếng; - Tỷ lệ thu gom rác thải chưa đạt yêu cầu 35%; - Một số hộ dân chưa có nhà vệ sinh 20%; - Các điểm sơ tán chưa có nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ; - Chưa có điểm thu gom chai, bao bì thuốc thực vật; - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh; - Nghĩa trang chưa được quản lý; - Cơ sở vật chất thuốc men lương thực dự trữ thiếu; chưa chủ động, chưa có thùng rác, thiếu phương tiện thu gom. <p>b. Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế thực hiện chưa nghiêm minh; - Năng lực của cán bộ y tế cộng đồng còn hạn chế; - Công tác tuyên truyền còn hạn chế; - Nhân viên thú y còn thiếu, hoạt động hạn chế. <p>c. Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân không đi khám định kỳ, mua thuốc không theo đơn của bác sỹ; - Đa số người dân chưa có kiến thức sơ cấp cứu ban đầu; - Một số hộ dân còn vứt rác bừa bãi vô ý thức; - Đa số người dân chưa quan tâm đến hạn sử dụng của các loại thực phẩm. 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>a. Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trạm y tế kiên cố để đi khám sức khỏe cho người dân; - Có 100% người dân có BHYT; - Có đội thu gom rác thải đạt 65%; - Có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại đạt 80%; - Có quy hoạch khu nghĩa trang; - Có hợp đồng về lương thực trước mùa thiên tai. <p>b, Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy chế xử phạt vệ sinh môi trường; - Có mạng lưới y tế cộng đồng 7/7 tuần; - Tiêm phòng cho phụ nữ có thai và trẻ em đạt 100%. <p>c, Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết về chăm sóc sức khỏe; - Có một số hộ dân đi khám định kỳ; - Có dự trữ lương thực, nước uống. 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai xảy ra; - Nguy cơ dịch bệnh sau thiên tai; dịch tả, sốt xuất huyết; mắt đỏ; tay chân miệng.

Hạn hán	Tần suất nhiệt độ ngày càng tăng, kéo dài (tháng 6 có ngày 43°C)	<ul style="list-style-type: none"> - 80,3ha lúa bị thiếu nước tưới; - 302ha hoa màu bị thiếu nước tưới; - 10,9km kênh mương chưa đảm bảo phục vụ tưới tiêu; - 280ha rừng có nguy cơ xảy ra cháy rừng; - 103,3ha diện tích nuôi trồng thủy sản có nguy cơ bị dịch bệnh; 5,5ha sen có nguy cơ bị thiếu nước; - 6.675 con gia súc, gia cầm có nguy cơ bị dịch bệnh (gia trại: 3.000 con; phân tá: 3.675 con). 	<ul style="list-style-type: none"> - 0,83km hệ thống kênh mương đảm bảo tưới tiêu; - Có thành lập 3 tổ phòng cháy, chữa cháy rừng; - Hàng năm, có kế hoạch dọn vệ sinh lớp thực bì tại rừng với số lượng tham gia mỗi năm trên 200 lượt người; - Đã tổ chức tiêm phòng trên 70% đàn gia súc, gia cầm. 	
Rét hại	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm rét kéo dài liên tục trong tháng (tháng 12 có ngày 13 °C); - Nhiệt độ thấp, nhiều đợt rét đậm rét hại kéo dài đến 15 ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người già, trẻ em có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; - 80,3ha lúa giống bị chậm phát triển; - 302ha hoa màu bị chậm phát triển, không áp dụng khoa học kỹ thuật; - 103,3ha diện tích NTTS chậm phát triển; - 6.675 con gia súc, gia cầm bị dịch bệnh, chết. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã thông báo tình hình rét đậm, rét hại tới người dân khi xảy ra; - Các chuồng trại che chắn kín, đảm bảo chống rét một phần; - Người dân có các biện pháp chủ động chống rét đối với gia súc, gia cầm, khu NTTS như: che chắn, chuẩn bị thức ăn đầy đủ, nâng cao mực nước tại các hồ NTTS để giữ ấm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa và hoa màu giảm năng suất; - Gia súc, gia cầm chết, bị dịch bệnh; - NTTS giảm năng suất, chậm phát triển; - Người già, trẻ em có nguy cơ mắc bệnh cao và chết.
Nhiễm mặn	- Độ nhiễm mặn ngày càng tăng, thời gian kéo dài, diện tích nhiễm mặn càng lớn;	- 25ha lúa có nguy cơ bị nhiễm mặn do chưa có đê ngăn mặn, gần khu NTTS và đầm phá.	- Hàng năm hỗ trợ vận đê thau chua rửa mặn, tuy nhiên hiệu quả đem lại chưa cao.	- Đất bị bỏ hoang do nhiễm mặn.

Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai xã Vinh An

Rủi ro thiên tai	Nhóm HTKT		Cụm 1 (Thôn: Bắc Thượng, Trung Đình Hải, An Mỹ)		Cụm 2 (Thôn: Hà Úc 1, 2)		Kiểm chứng (Thôn: Hà Úc 4)		Tổng phiếu của nam nữ		Tổng phiếu toàn xã (91)	Xếp hạng toàn xã
	Nam (12)	Nữ (03)	Nam (12)	Nữ (13)	Nam (13)	Nữ (18)	Nam (11)	Nữ (09)	Nam (48)	Nữ (43)		

Nguy cơ người chết và bị thương khi có bão lụt	8	2	3	22	4	9	3	9	18	42	60	16
Nhà sập, tóc mái, hư hỏng khi có bão	29	3	18	27	13	46	26	22	86	98	184	1
Nhà văn hóa bị sập, đồ hư hỏng, không đảm bảo an toàn cho cộng đồng	29	5	17	4	39	27	28	22	113	58	171	2
Chợ bị sập không an toàn cho các hộ kinh doanh	23	5	15	20	29	14	4	8	71	47	118	5
20km đường bị sạt lở, 6 cầu bị hư hỏng	26	6	17	23	11	20	21	14	75	63	138	3
Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo	15	2	18	16	3	9	6	3	42	30	72	12
Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên và nguy cơ bị xâm thực bờ biển	16	4	10	9	14	6	14	7	54	26	80	10
Lều quán hư hỏng, sập đổ, hư hỏng hàng hóa, giảm năng suất thu nhập khi có thiên tai	6	1	14	6	4	8	2	7	26	22	48	19
Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có bão lụt hạn hán, rét hại	8	6	18	7	13	13	6	6	45	32	77	11
Gia súc, gia cầm bị chết, bị dịch bệnh khi có thiên tai	4	3	13	27	9	12	9	9	35	51	86	8
Nuôi trồng thủy sản bị giảm năng suất, mất trắng sản lượng khi có thiên tai	9	3	10	6	11	15	3	6	33	30	63	14
Tàu thuyền hư hỏng, mất ngư lưới cụ khi có bão	7	2	9	5	4	10	10	7	30	24	54	17
Lao động làm thuê nguy cơ bị tai nạn lao động khi có thiên tai	3	2	3	18	5	21	6	7	17	48	65	13
Hệ thống kênh mương bị sạt lở, bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi có thiên tai	21	4	16	10	24	16	23	6	84	36	120	4
Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai	4	3	5	3	12	58	17	10	38	74	112	6
Nguy cơ dịch bệnh sau thiên tai: tiêu chảy, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, tay chân miệng	5	2	9	14	7	12	9	4	30	32	62	15
Nguy cơ cháy rừng khi có hạn hán, nắng nóng kéo dài	7	2	11	6	36	18	2	13	56	39	95	7
Nhà vệ sinh hư hỏng, mất vệ sinh khi có thiên tai	11	2	2	5	6	18	5	5	24	30	54	18
Cây cối bị ngã đổ, rừng bị hư hại khi có bão xảy ra	9	3	19	19	3	10	15	6	46	38	84	9
Tổng cộng	228	57	228	246	247	342	209	171	912	816	1728	

Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân xã Vinh An

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà văn hóa thôn bị sập đổ, hư hỏng, không đảm bảo sinh hoạt cộng đồng khi có thiên tai	- 02 nhà văn hóa tạm bợ, 04 nhà văn hóa chưa có để sinh hoạt phải mượn nhà dân	- Xã chưa có kinh phí để đầu tư; - 02 nhà văn hóa tận dụng cơ sở cũ đã xuống cấp; - Người dân thu nhập thấp, không có điều kiện để đóng góp; - Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, phụ nữ đơn thân, người già neo đơn cao: 27%	- Hỗ trợ xây dựng mới 4 nhà văn hóa chưa có; - Đào tạo nghề, hỗ trợ mô hình sản xuất mới, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ đơn thân.
2	Nhà ở bị sập, tốc mái, hư hỏng khi có bão	- Có 45 nhà ở vùng nguy cơ cao (ven đầm phá ven biển); - 245 nhà đơn sở và bán kiên cố; - Hệ thống đê 10,9km; - Đầm Thủy Tú rộng khoảng 115ha	- Chưa có đất để tái định cư, ở lâu năm gắn liền với tập tục canh tác; - Người nghèo thu nhập thấp không có tiền để đầu tư xây nhà; - Thiếu việc làm thu nhập thấp, không ổn định; - Công tác tuyên truyền chưa được thường xuyên, hệ thống xuống cấp; - Ban PCLB và đội PCLB cấp thôn chưa được tập huấn, thiếu trang thiết bị; - Một số người dân vẫn còn tâm lý chủ quan.	- Sơ tán người ra khỏi vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn; - Hỗ trợ xây dựng nhà chống bão lụt cho các hộ nghèo; - Tạo điều kiện tăng thu nhập cho người dân; - Hỗ trợ kinh phí gia cố đê, xây kè kiên cố; - Trồng rừng ngập mặn ở ven đê và ven đầm Thủy Tú; - Tuyên truyền nâng cao năng lực cho người dân; - Tập huấn, hỗ trợ trang thiết bị; - Nâng cấp hệ thống truyền thanh.
3	20km đường bị sạt lở; 06 cầu bị hư hỏng khi có bão lụt	- 8km đường nằm ở vùng nguy cơ cao (khu vực Khe Tầm và đầm Thủy Tú); - 12km đường nằm ở vùng dân cư.	- Hệ thống đường đất xuống cấp; - Cầu xây dựng lâu năm; - Xã chưa có kinh phí để đầu tư; - Huy động nguồn lực trong dân khó khăn do người dân còn nghèo, thu nhập thấp, một số hộ dân còn y lại vào ngân sách địa phương (không chịu đóng góp).	- Hỗ trợ xây dựng 20km đường giao thông và 06 cầu bị hư hỏng; - Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp có kinh tế cao và người đi làm ăn xa có điều kiện.
4	Chợ bị sập, không an toàn cho các hộ kinh doanh khi	- Chợ nhỏ, chưa kiên cố, còn tạm bợ; - Có 145 hộ kinh doanh, buôn	- Một chợ có quy hoạch, xây dựng tạm bợ; một chợ tự phát, lều quán tự che chắn, rất tạm bợ;	- Đầu tư xây dựng chợ mới, nâng cấp, sửa chữa chợ hiện có; - Sắp xếp lại các lô quầy, hỗ trợ vay vốn;

	có bão	<p>bán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân và các xã lân cận trao đổi hàng hóa, buôn bán; - Các lô quay con mang tính tạm bợ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xã thiếu kinh phí đầu tư; - Một số hộ dân chưa chấp hành theo quy định của xã; - Các hộ kinh doanh thiếu vốn đầu tư; - Các hộ buôn bán tự phát, không có kỹ năng buôn bán, 90% người dân buôn bán ở chợ là phụ nữ, chưa có kế hoạch kinh doanh, chưa có kinh nghiệm kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ năng kinh doanh và vệ sinh ATTP cho phụ nữ; - Tuyên truyền vận động các hộ kinh doanh tự phát tập trung vào chợ để buôn bán.
5	Hệ thống kênh mương bị sạt lở, bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi xảy ra thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - 16,8km kênh mương tưới tiêu bằng đất xuống cấp; - 6km kênh mương; - NTTS xuống cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có kinh phí đầu tư, bê tông hóa; - Người dân làm nông nghiệp nhỏ lẻ, thu nhập thấp; - Địa hình không bằng phẳng, bậc thang; - Không chủ động tưới tiêu (không có hồ chứa nước) - Chủ yếu sản xuất 1 vụ và có một số diện tích bị bỏ hoang; - Một số diện tích thấp bị ngập úng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương và khu NTTS; - Nạo vét kênh mương; - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng; - Nuôi trồng xen ghép (tôm - cá, sen – cải)
6	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thu gom rác thải chỉ đạt 50%; chưa có thùng rác nơi công cộng; 20% chưa có nhà vệ sinh; các hộ chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường; nghĩa trang chưa có quy hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số tuyến đường nhỏ, hẹp xe chưa vào tận nơi để thu gom; - Chưa có kinh phí đầu tư trang thiết bị; thiếu dụng cụ thu gom rác; đội thu gom rác chưa qua tập huấn. - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ ra chưa có hệ thống xử lý rác thải; - Các hộ nghèo thiếu kinh phí xây dựng nhà vệ sinh và ý thức của các hộ còn thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm trang thiết bị phục vụ thu gom rác thải và thùng rác nơi công cộng; - Hỗ trợ xây dựng hầm biogas và đệm lót sinh học cho các hộ chăn nuôi; hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà vệ sinh; - Tập huấn nâng cao năng lực cho người dân để bảo vệ môi trường và xử lý những hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường.
7	Nguy cơ cháy rừng khi có hạn hán, nắng nóng	<ul style="list-style-type: none"> - Có 280ha rừng trong đó 197ha rừng phòng hộ còn lại là rừng sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> - Các lớp thực bì dày từ 5-10cm; ý thức của người dân chưa cao; chưa được tập huấn; - Các công cụ PCCC còn thiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ rừng và PCCC rừng; - Hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí hoạt động PCCC.

Công cụ 9: Tổng hợp giải pháp PCTT xã Vinh An

STT	Giải pháp PCTT	Nhóm HTKT	Cụm 1 (Thôn: Bắc Thượng, Trung Đình Hải, An Mỹ)	Cụm 2 (Thôn: Hà Úc 1, 2)	Kiểm chứng (Thôn: Hà Úc 4)	Tổng phiếu của nam/nữ	Tổng phiếu Toàn	Xếp hạng toàn
-----	----------------	-----------	-------------------------------------------------	--------------------------	----------------------------	-----------------------	-----------------	---------------

		Nam (12)	Nữ (3)	Nam (12)	Nữ (13)	Nam (13)	Nữ (18)	Nam (11)	Nữ (09)	Nam (48)	Nữ (43)	xã (91)	xã
1	Xây dựng 4 nhà văn hóa thôn Hà Úc 1, 2, 3, 4 và nâng cấp 2 nhà văn hóa Bắc Thượng, An Mỹ	32	9	34	18	28	39	22	8	116	74	190	1
2	Đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất mới phù hợp, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ đơn thân	10	3	11	41	30	51	5	7	56	102	158	3
3	Sơ tán người dân vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra	8	5	8	8	4	7	2	4	22	24	46	18
4	Hỗ trợ xây nhà phòng tránh bão, lụt cho các hộ nghèo và khó khăn	31	7	14	19	38	10	13	27	96	63	159	2
5	Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại địa phương	7	1	17	30	13	38	24	6	61	75	136	4
6	Hỗ trợ kinh phí gia cố đê, xây kè kiên cố tuyến đê bao	8	4	10	3	8	18	10	10	36	35	71	11
7	Trồng rừng ngập mặn ven đê và ven đầm Thủy Tú	9	2	7	7	4	6	13	7	33	22	55	17
8	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, CSSK	5	2	19	8	13	41	4	4	41	55	96	6
9	Nâng cấp hệ thống truyền thanh để đảm bảo cho công tác tuyên truyền thông tin liên lạc, dự báo cảnh báo thiên tai	19	2	6	8	28	12	3	4	56	26	82	8
10	Trang bị trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho đội PCTT ở xã và 7 thôn	10	2	10	6	4	6	10	13	34	27	61	15
11	Kiên cố hóa 20km đường giao thông và nâng cấp 6 cầu để đảm bảo an toàn đi lại cho người dân	15	1	8	3	5	7	16	10	44	21	65	14
12	Đầu tư xây dựng chợ mới và nâng cấp sửa chữa chợ hiện nay	7	2	4	5	12	18	15	11	38	36	74	9
13	Tập huấn kỹ năng kinh doanh và vệ sinh an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh là phụ nữ	7	3	5	7	10	17	13	9	35	36	71	12
14	Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng và kênh mương NTTS để đảm bảo phát triển sản xuất lúa và NTTS	10	2	10	5	5	8	10	7	35	22	57	16
15	Mua sắm trang thiết bị phục vụ thu gom và xử lý rác và thùng rác nơi công cộng	30	2	8	28	15	21	15	10	68	61	129	5

16	Hỗ trợ xây dựng hầm biogas và tắm lót sinh học cho các hộ chăn nuôi và hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và hộ khó khăn	19	3	7	15	14	13	13	12	53	43	96	7
17	Tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và phòng chống cháy nổ và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về VSMT và cháy nổ	4	2	22	11	5	11	7	7	38	31	69	13
18	Hỗ trợ vốn để cải hoán, nâng cấp tàu thuyền từ công suất nhỏ lên công suất lớn để đánh bắt xa bờ	6	3	9	7	2	7	5	7	22	24	46	19
19	Mua sắm trang thiết bị PCCC	9	3	6	18	9	12	9	8	33	41	74	10
Tổng cộng		128	57	228	247	247	342	209	171	812	817	1629	

Công cụ 9. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Qua việc phân tích nguyên nhân RRTT nhóm HTKT và người dân các cụm thôn đã tổng hợp được 19 giải pháp PCTT và xếp hạng ưu tiên theo 3 tiêu chí (1) Tính cấp bách, (2) Tính khả thi (3) Có thể vận động được nguồn lực để thực hiện, từ đó đưa ra các hoạt động thực hiện giải pháp như sau:

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (%)		
				Ngắn hạn (thời gian thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình)	Xây dựng 4 nhà văn hóa thôn Hà Úc 1, 2, 3, 4 và nâng cấp 2 nhà văn hóa Bắc Thượng, An Mỹ	Người dân 6 thôn	1. Xây dựng 4 nhà văn hóa thôn Hà Úc 2, 3, 4 và An Mỹ		x	40	10	50
			2. Nâng cấp 2 nhà văn hóa Bắc Thượng, Hà Úc 1	x		40	10	50

Thủy lợi)	Kiên cố hóa 20km đường giao thông và nâng cấp 6 cầu để đảm bảo an toàn đi lại cho người dân	Người dân toàn xã	1. Kiên cố hóa 20km đường giao thông		x	40	10	50
			2. Nâng cấp 06 cầu trên tuyến đường trục chính		x	25	5	70
			3. Xử phạt hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông	x		100		
	Hỗ trợ kinh phí gia cố đê, xây kè kiên cố toàn tuyến đê bao	Người dân toàn xã	1. Lập tờ trình kiến nghị tỉnh, huyện	x		100		
			2. Nâng cấp gia cố đê		x			100
			3. Xây kè kiên cố toàn tuyến đê bao		x			100
	Đầu tư xây dựng chợ mới và nâng cấp sửa chữa chợ hiện nay	Người dân toàn xã	1. Nâng cấp chợ hiện có (chợ An Bằng)		x	30	0	70
			2. Xây dựng chợ mới		x	30	0	70
	Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng và kênh mương NTTS để đảm bảo phát triển sản xuất lúa và NTTS	Toàn xã	1. Nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh	x		50	50	
			2. Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng		x	40	10	50
			2. Xây dựng hệ thống kênh mương vùng NTTS		x	40	10	50

Nhà ở	Hỗ trợ xây nhà ở cho 45 hộ nhà đơn sơ và thiếu kiên cố	45 hộ dân được xây nhà	1. Hỗ trợ xây dựng 45 nhà đơn sơ	x		10	50	GCF 40%
			2. Hỗ trợ xây dựng 196 nhà thiếu kiên cố		x	10	50	GCF 40%
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Mua sắm trang thiết bị phục vụ thu gom và xử lý rác và thùng rác nơi công cộng	Người dân toàn xã	1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ thu gom và xử lý rác	x		25	0	GCF 75%
			2. Mua sắm thùng rác, xuồng rác các nhà văn hóa và nơi công cộng	x		25	0	GCF 75%
			3. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về VSMT	x	x	100		
	Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ 69 hộ nghèo làm nhà vệ sinh	x			5	GCF 95%
			2. Hỗ trợ 50 hộ chăn nuôi làm hầm bioga và đệm lót sinh học	x			5	GCF 95%
Rừng	Trồng rừng ngập mặn ven đê và ven đầm Thủy Tú	Người dân toàn xã	1. Khảo sát diện tích đất trồng RNM ven đê và ven đầm Thủy Tú	x		100		
			2. Kiến nghị cấp trên quy hoạch vùng trồng RNM	x		100		

			3. Tổ chức trông RNM		x	20	10	GCF70 %
Thủy sản	Hỗ trợ vay vốn đóng tàu thuyền lớn đánh bắt xa bờ và hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc	Các hộ đánh bắt thủy sản	1. Hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc cho các thuyền đánh bắt cá, radio, bộ đàm, định vị	x			25	75
			2. Hỗ trợ áo phao, phao cứu sinh cho các thuyền đánh bắt	x				100
			3. Hỗ trợ vay vốn đóng thuyền lớn đánh bắt xa bờ		x	90	10	
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, CSSK	Toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	100		
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích	x	x			GCF10 0%
			4. Diễn tập PCTT	x	x	30	20	GCF 50%
			5. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50	50	

			6.Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x	x	30	20	GCF 50%
	Nâng cấp hệ thống truyền thanh để đảm bảo cho công tác tuyên truyền thông tin liên lạc, dự báo cảnh áo thiên tai	Toàn xã	1.Nâng cấp hệ thống truyền thanh	x		25		75
			2. Bổ sung các cụm loa còn thiếu	x		25		75
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn	Người dân vùng nguy cơ cao và các nhà tạm bợ	1. Hỗ trợ sơ tán cho đối tượng DBTT	x		100		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x		100		
			3.Hỗ trợ mỳ tôm nước uống nơi sơ tán	x		50	50	
			4.Vệ sinh môi trường sau thiên tai	x		50	50	
	Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn , sơ cấp cứu và tập huấn kỹ năng cho đội PCTT ở xã và 7 thôn và mua sắm trang thiết bị PCCC	Đội xung kích,CTĐ, trung đội mạnh xã, thôn	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu	X		30		GCF 70%
			2. Mua sắm trang thiết bị PCCC	x		30		GCF 70%
			3.Tập huấn kỹ năng cho đội PCTT ở xã và 7 thôn	x		30		GCF 70%

Lĩnh vực khác	Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại địa phương	Người dân toàn xã	1. Đào tạo nghề (NTTS, chăn nuôi, thú y, may mặc, mộc, mỹ nghệ)	x	x			100
			2. Giới thiệu việc làm	x	x	50		50
			3. Hỗ trợ phát triển kinh tế tại chỗ	x	x	50		50
	Đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất mới phù hợp, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ đơn thân	Nam/ nữ toàn xã	1. Tổ chức tập huấn đào tạo nghề cho nam và nữ	x	x	50		50
			2. Hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất mới cho phụ nữ đơn thân	x	x	50		50
	Tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và phòng chống cháy nổ và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về PCCC	Người dân vùng có rừng phòng hộ và trồng rừng phát triển kinh tế	1. Tập huấn kiến thức về bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ	x	x	50		50
			2. Tuyên truyền về phòng chống cháy nổ cho người dân	x	x	50		50
			3. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về PCCC	x	x	100		
	Tập huấn kỹ năng kinh doanh và vệ sinh an toàn thực phẩm cho	Phụ nữ kinh doanh ở chợ	1. Tập huấn kỹ năng kinh doanh và vệ sinh an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh là nữ	x	x	50		50

	các hộ kinh doanh là phụ nữ	2. Hỗ trợ nâng cấp các lô quầy kinh doanh cho các hộ phụ nữ	x	x		50	50
--	-----------------------------	-------------------------------------------------------------	---	---	--	----	----

Hiện trạng và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Thảo luận với người dân)

Biểu hiện của BĐKH	Kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan/ các nguy cơ gì	C Các vùng bị ảnh hưởng	Các lĩnh vực khía cạnh bị ảnh hưởng (3 khía cạnh, 3 lĩnh vực)	Những rủi ro BĐKH gây ra	Giải pháp(*)	
					Giảm nhẹ RRTT và thích ứng	Việc giảm phát thải khí nhà kính (tiết kiệm năng lượng)
Nhiệt độ tăng	Nắng nóng gay gắt	Trồng lúa, hoa màu và nuôi trồng thủy sản 4 thôn (Hà úc 1,2,3,4)	Nông nghiệp Thủy sản	-Lúa, hoa màu và nuôi trồng thủy sản mất trắng -Dịch bệnh gia tăng ở người và động vật	- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương để đảm bảo nước tưới cho cây trồng. - Vệ sinh môi trường	- Chăm sóc lúa bằng phân bón hữu cơ - Giảm thuốc bảo vệ thực vật - Chuyên canh thủy sản - Không đốt rơm rạ, đào hồ ủ bổi làm phân bón
Lượng mưa tăng vào mùa hè, giảm mùa đông xuân	Ngập lụt	4 thôn (Hà úc 1,2,3,4)	Trồng lúa, hoa màu. Thủy sản	- Cây lúa, hoa màu mất trắng - Gia súc chết dịch bệnh - Ô nhiễm môi trường	- Kiên cố hệ thống kênh mương. - Vệ sinh chuồng trại - Tập huấn KHKT	- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước, chất đốt
Nước biển dâng	- Phá vỡ sinh thái - Mất rừng	3 thôn: Bắc Thượng; Trung Định Hải; An Mỹ	-Nuôi trồng thủy sản. - Rừng	-Thủy sản mất trắng. - Mất rừng	- Hỗ trợ bờ bao - Có trạm bơm	- Chuyên canh vùng thủy sản - Dùng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định.
Bão gia tăng	- Tàn phá mạnh	7/7 thôn	Tất cả các lĩnh vực	- Thủy sản mất trắng.	- Kiên cố Kênh mương, đê điều	- Trồng rừng ngập mặn

				- Mất rừng - Chết người	- Tập huấn KHKT	
Nhiễm mặn	Mất diện tích đất	4 thôn (Hà úc 1,2,3,4)	- Nuôi trồng thủy sản - Trồng trọt	- Mất trắng - Ruộng bỏ hoang	- Củng cố đê công, ngăn mặn - Khử chua (vôi) rửa mặn - Hỗ trợ giống	- Trồng rừng ngập mặn

Phụ lục 4: Một số hình ảnh lớp tập huấn và đánh giá





